

TỊNH ĐỘ THÁNH HIỀN LỤC NHỮNG CÂU CHUYỆN VÃNG SANH CỦA CÁC TU SĨ VÀ CƯ SĨ

Dịch giả : HT. Thích Thiên Tâm

 NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

THÀNH KÍNH CÚNG DƯỜNG

TỔ AN QUANG KHUYÊN ĐỌC GIẢ PHẢI CHÚ TRỌNG CHÍ THÀNH CUNG KÍNH VÀ NÊU RA MƯỜI ĐIỀU CUNG KÍNH KHI ĐỌC SÁCH

Pháp thế gian hay xuất thế gian đều lấy lòng Thành làm gốc. Hễ có lòng thành thì cảm được Thánh ứng; không có lòng Thành thì do không cảm, Thánh sẽ không ứng. Ví như mặt trăng rạng rỡ giữa bầu trời, hiện bóng trong muôn sông. Nếu nước đục ngầu, xao động, bóng trăng khó thể hiển hiện được. Do nước gây nên như thế, đâu phải lỗi của trăng! Vì thế nói: “ *Muốn được lợi ích thật sự nơi Phật pháp, ắt phải cầu từ nơi cung kính. Có một phần cung kính, tiêu được một phần tội nghiệp, tặng một phần phước huệ. Có mười phần cung kính, tiêu mười phần tội nghiệp, tặng mười phần phước huệ* ”. Nếu không cung kính thì chỉ kết được cái duyên xa, khó được lợi ích thật sự. Nếu còn khinh nhờn sẽ mắc tội vô lượng.

1. Lúc sắp mở sách ra đọc tụng, trước hết phải nên phát tâm cung kính, như gặp được khách quý, như đối trước bậc hiền triết, ngõ hầu luôn luôn ngộ nhập được dụng ý sâu xa của tác giả.

2. Lúc sắp mở sách ra đọc tụng, trước hết hãy

nên phát tâm chí thành, thốt lời khẩn thiết, khen ngợi tác giả vận tâm cứu thế, vui mừng mình đã hữu duyên được đọc.

3. Lúc sắp mở sách ra đọc tụng, trước hết hãy nên rửa tay, súc miệng, đặt sách lên bàn sạch trong gian phòng sạch sẽ, rồi mới mở ra xem.

4. Lúc sắp mở sách ra đọc tụng, trước hết chỉnh đốn quần áo, ngồi ngay ngắn một lát, sám hối hết thảy những ác niệm, ác ngữ, ác hạnh như: ganh ghét, khinh mạn, kiêu cuồng.v.v...

5. Lúc đọc, hễ ngộ nhập được một câu một chữ, đều nên khởi lòng hoan hỷ lớn lao và tùy thời ghi chép những điều tâm đắc, đừng bỏ mất cho quên mất!

6. Lúc đọc, hãy nên nghĩ rộng rãi về ý nghĩa, thoát đầu dùng sách để nhiếp tâm, tiếp đó dùng tâm để chuyên nghiệp, cuối cùng tiến tới tâm niệm không ngừng nghĩ thực hành, khuyên dạy rộng rãi để chuyển thế giới Ngũ Trược thành thế giới Cực Lạc.

7. Lúc tâm khởi vọng niệm, hãy nên cung kính đặt sách xuống, tạm ngừng đọc.

8. Đọc xong hoan hỷ, theo đúng pháp vâng làm, hãy nên thường khởi lòng hâm mộ tâm hoằng pháp, tận lực bắt chước làm theo.

9. Đọc hết bộ sách xong, hãy nên nghĩ kỹ rộng

rãi xu hướng trong xã hội hiện tại để nhiếp hoá rộng lớn, ngõ hầu điều lành được lưu truyền.

10. Đọc hết bộ sách xong, thấy được những chỗ có thể tuyên thuyết phù hợp căn cơ, liền vì người không biết chữ mà phương tiện diễn nói rộng rãi để tạo lợi ích lớn.

KỆ TU TRÌ

Giữ vẹn luân thường Trọn hết bốn phận Ngăn dứt lòng tà

Giữ gìn lòng thành. Đừng làm các ác Vâng làm các thiện Kiêng giết cứu mạng Ăn chay niệm Phật Hồi hướng vãng sanh Thế giới Cực Lạc. Dùng để tự hành

Lại còn dạy người Ấy gọi Phật tử Hành giả hãy nên Làm như thế ấy Công đức vô lượng.

LỜI NÓI ĐẦU

Quyển này bút giả tuyển dịch từ nguyên bản Tịnh Độ Thánh Hiền Lục của Phật giáo Trung Hoa. Bộ Tịnh Độ Thánh Hiền Lục do cư sĩ Bành Tế Thanh cùng cháu là Hy Tốc, người đời Càn Long nhà Thanh sưu tập những truyện niệm Phật được vãng sanh soạn thành. Đến cuối đời Đạo Quang, Thanh triều, Liên Quy cư sĩ Hồ Đỉnh góp nhặt các chuyện vãng sanh tục biên thêm. Sang đời Trung Hoa Dân Quốc, Đức Sum Pháp sư lại sưu tập những sự tích tu Tịnh Độ có ứng nghiệm bổ túc vào. Trước sau có tất cả được gần một ngàn truyện.

Thật ra, người tu Tịnh Độ vãng sanh rất nhiều, không phải chỉ có ngàn ấy mà thôi. Nguyên do bởi những cổ thư về Tịnh Độ thất lạc, phần ký lục kém thiếu, ngày xưa sự lưu thông chưa thuận tiện, nên các chuyện niệm Phật vãng sanh không được truyền rộng và ghi chép đầy đủ. Thử nghĩ quang cảnh lúc ngài Thiện Đạo ở Trường An, ngài Thiếu Khang ở Tân Định, tiếng niệm Phật vang khắp các nẻo đường, tất biết người sanh về Tịnh Độ số còn hơn muôn ức. Nhưng bao nhiêu truyện tích sưu tập trên, cũng tạm gọi là đủ để làm khuôn mẫu cho những người tu Tịnh Độ đời sau.

Trong thời gian trước, bút giả có ghi chép được hơn vài mươi chuyện niệm Phật vãng sanh ở Việt Nam, tiếc vì lúc chiến nạn bị thất lạc mất. Bởi thế, đành phải đem những chuyện vãng sanh ở Trung Hoa để làm gương khuyến tấn người tu Tịnh Độ. Nơi quyển này, chỉ tuyển dịch ra những sự tích có phần đặc sắc trong nguyên bản, vì e nhiều quá sẽ gây sự nhàn chán cho độc giả. Trước kia Thượng Tọa Vạn Đức (Thích Trí Tịnh) có dịch được một phần ba, lấy tên là Đường Về Cực Lạc, được nhiều người ưa thích.

Một vài liên hữu yêu cầu tôi xin tiếp tục công việc ấy, và dịch những chuyện vãng sanh của hàng căn cơ thời gần đây, để người đời nay có thể theo dấu. Vì thế ở quyển này, bút giả lưu ý dịch các truyện vào thời Dân Quốc cận đại nhiều hơn.

Những lời và hạnh của Thánh Hiền tu Tịnh Độ khi xưa, là những điệu nhạc, những đài gương để khuyến khích, soi sáng cho các hàng liên hữu. Cổ nhân đã có vị viết sách Tịnh Độ, nhan đề là Liên Lộ Thanh Âm. Liên Lộ là giờ khắc hoa sen, lấy sự tích đồng hồ sen nơi Bạch Liên Xã của ngài Huệ Viễn. Thanh Âm là những âm điệu thanh tao để khuyến hóa mọi người niệm Phật. Bút giả thể theo ý đó, đặt nhan đề quyển này là **MÃY ĐIỆU SEN THANH**.

Mỗi tôn phái, ngoài lý thuyết còn có phần thật nghiệm hay thật hành. Thật hành vừa để chứng minh cho lý thuyết, vừa là tấm gương sáng nhắc nhở khuyến khích người tu. Quyển này là thiên sử liệu chứng minh cõi Cực Lạc có thật, công đức niệm Phật có lợi ích ngay lúc hiện tại cho đến khi mạng chung. Cõi Cực Lạc đã có thật, thì thiên cung, địa ngục, ba cõi sáu đường, việc tội phước nhân quả, thánh thần quỷ ma, suy ra cũng đều có thật không phải hư huyền. Từ điểm này xét kỹ sâu rộng thêm, tất có thể dứt trừ những điều xấu ác, xu hướng về nẻo thiện lương vậy.

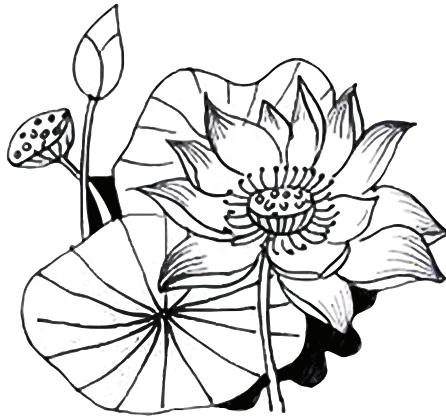
“Nương mình tựa án xem người cổ, Ẩn bóng trong gương ngẫm chuyện đời”.

Mong đọc giả khi xem quyển này, thức tỉnh cuộc đời là khổ lụy vô thường, sớm phát tâm tìm lối giải thoát, tu các phước lành, ăn chay niệm Phật. Từ sự tự tu, khuyến hóa trong thân tộc cho đến mọi người đều tu hành, thì cõi này tuy chưa thành Cực Lạc, song trong một vùng một xứ, cũng được nhiều phước lợi an vui.

Ngoài ra, những tình tiết của nội dung toàn quyển, có thể dẫn đạo ý thâm trầm cho người xem.

Như ăn mía nhai từ ngọn đến gốc, sẽ lần lần tiến vào giai cảnh vậy.

Liên Du (HT Thích Thiên Tâm)



HOÀNG TẾ ĐẠI SƯ

Hoàng Tế Đại sư, họ Dao, tự Đồng Chu, người ở Dư Diêu. Lúc thơ ấu, ngài đã để chóp vào ở chùa Bảo Tích trong thôn ấp. Năm mười sáu tuổi, mới hoàn toàn xuống tóc, thọ giới Sa di. Tuổi đúng hai mươi, lại được thọ Cụ túc giới.

Đại Sư giữ luật rất nghiêm cẩn, nương theo Pháp sư Bản Sơn Toàn học tập Thiên Thai giáo quán. Không bao lâu, sự tu học đã đến mức thông suốt tinh vi. Ngài thường hành trì các sám pháp như: Tịnh Độ, Pháp Hoa, Kim Quang Minh. Một hôm trong định, Đại Sư thấy Tứ Minh Tôn Giả trao cho cây Tô giác như ý, từ đó biện tài lưu loát như suối tuôn trào.

Đời nhà Nguyên, nhằm Thái Định ngưng niên, ngài được mời trụ trì chùa Viên Giác ở huyện Vạn Thọ. Năm sau, tại huyện Diêm Quan gần đó giông bão dữ dội, đê biển sắp bị sóng đánh vỡ, dân chúng quanh vùng đều nom nớp e sợ. Thừa Tướng Thoát Hoan cũng lo lắng, cho quan địa phương thân mời Đại Sư đến chỗ đê biển, lập Thủy lục đại trai đàn để cầu nguyện. Ngài tới nơi, nhập Từ tâm tam muội, lấy cát biển tụng chú Đại Bi, rải dọc theo bờ đê. Gót chân đến đâu, đê điều nơi đó đều được ổn cố, sóng gió cũng dịu dần rồi dứt hẳn. Mọi

người đều khen tặng là thần kỳ! Sau Đại Sư lần lượt chủ trì các ngôi đại già lam: Tập Khánh, Hiền Từ, Vin Thông. Lúc lớn tuổi lại trở về chùa Bảo Tích ở quê nhà, chuyên tu Niệm Phật Tam Muội.

Niên hiệu Chí Chánh thứ mười sáu, ngày mừng ba tháng mười, Đại Sư cảm bệnh nhẹ, cho mời các đệ tử đến, khai thị về ý nghĩa Duy Tâm Tịnh Độ. Trong chúng có kẻ chưa thông hiểu, ngài cao giọng nghiêm trách nói: *“Bờ sanh tử rất nguy hiểm, khó nổi ở yên, sao còn chưa tỉnh ngộ?”*. Nói xong, liền chấp tay niệm Phật mà hóa.

ĐỨC THANH, HÁM SƠN ĐẠI SƯ

Đức Thanh Đại sư, tự Trùng Ân, lúc lớn tuổi lấy hiệu là Hám Sơn lão nhân, con nhà họ Thái ở Kim Lăng. Bà mẹ nằm mộng thấy Quán Thế Âm Bồ Tát bồng đứa đồng tử trao cho mà mang thai ngài. Đến khi sanh ra, có hai lớp bọc trắng. Năm mười chín tuổi ngài xuất gia, chuyên tâm niệm Phật. Một đêm Đại Sư mộng thấy đức A Di Đà hiện thân đứng giữa hư không, về phía mặt trời lặn. Tướng Phật mày mắt rõ ràng, sáng suốt trang nghiêm, từ đó thường hiển hiện trước mặt. Kế tiếp

ngài đến non Ngũ Đài, thiên ngộ được bản tâm, phát nguyện chích máu tả kinh Hoa Nghiêm, mỗi nét bút niệm Phật một câu. Lâu ngày động tịnh đều như một.

Năm Vạn Lịch thứ mười đời nhà Minh, Đại Sư trụ tích tại Lao Sơn. Lý Thái Hậu nghe danh mến đức, xuất tiền của cho người đến cất chùa, tứ bảng hiệu là Hải Ấn Tự. Bảy giờ Thái Hậu thường sai quan Trung Sứ đi tu tạo chùa tháp các nơi. Trong hàng quyền quý có kẻ hiềm khích với quan Trung Sứ, lập mưu xúi nhóm đạo sĩ phái Đông Xưởng đánh trống đưa đơn đầu cáo, nói ông xâm chiếm đạo viện sửa làm cảnh chùa. Việc ấy gây liên lụy đến Đại sư, ngài bị truất bỏ tăng phục, đày tới Lô Châu. Khi từ giả đại chúng ra đi, Ngài vẫn an nhiên, **viết lời kệ tỏ ý chí rằng:**

Cà sa cởi lớp đổi nhung trang
 Tùy tiện nơi đâu cũng đạo tràng!
 Dầu gặp cảnh duyên dường lửa đỏ
 Tâm lòng băng tuyết dễ chi tan?

Tùy chỗ đi đến, Đại Sư vẫn mang lớp tục trang thuyết pháp, lại phát nguyện hoằng dương kinh Đại Thừa, số luận các bộ như: Lăng Nghiêm, Lăng Già, Viên Giác. Năm Vạn Lịch thứ bốn mươi

hai, ngài được ân chiếu xá tội và cho hoàn tăng phục. Trên đường về qua Lô Sơn, Đại Sư thích cảnh thanh u, kết am ở dưới ngọn Ngũ Nhũ Phong, noi theo gương Viễn Công, đào hồ trồng sen, phân định thời khắc tu Tịnh Độ rất tinh tấn.

Bấy giờ có vị tu thiền ở Hải Dương, trong khi cầu thọ giới pháp, nhân hỏi về yếu chỉ Tịnh Độ. Đại Sư bảo: “Đức Thế Tôn chỉ dạy nhiều phương tiện tu hành để ra khỏi vòng sống chết luân hồi, tiến lên Phật quả. Tự trung duy có môn niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, không ai thừa hỏi mà đức Phật tự nói, đủ thấy tầm mức quan trọng đến dường nào! Môn ấy trùm khắp ba căn, thấu cả bốn chúng, không phải quyền tiện vì bậc hạ căn mà lập ra. Kinh nói: *“Muốn thanh tịnh cõi Phật, trước thanh tịnh tâm mình!”*. Cho nên người tu Tịnh Độ phải lấy tịnh tâm làm căn bản. Muốn tâm được thanh tịnh, điều cần nhất là giữ giới căn cho trong sạch. Các giới tuy nhiều, nhưng yếu ước lại không ngoài ba nghiệp của thân, bốn nghiệp của miệng và ba nghiệp của ý. Giữ mười nghiệp này sạch lành, là chánh nhân của nẻo khổ tam đồ. Dùng tâm giữ giới thanh tịnh như thế, khởi lòng bi cảm, nhằm chán nổi khổ như ác ở Ta Bà, phát nguyện cầu sanh Cực Lạc để mau thành đạo quả độ mình độ loài hữu tình, mà lập chánh hạnh niệm Phật. Cách

thức niệm Phật lại tùy tiện theo căn cảnh của mỗi người, nhưng cần phải thật tâm thật hạnh mới đem đến hiệu quả thiết thật!”.

Lại có cư sĩ Tịnh Tâm đến xin chỉ dạy, hỏi: *“Tại sao có nhiều người niệm Phật không tinh tấn và khó thành một khối?”*. Đại Sư khai thị: “Điểm quan yếu bậc nhất của sự tu hành là: tha thiết vì thoát ly nỗi khổ sống chết luân hồi. Nếu không tha thiết nghĩ đến điều này, thì làm sao có thể niệm Phật tinh tấn và thành một khối được? Chúng sanh từ vô lượng kiếp đến nay, mỗi niệm buông theo vọng tưởng, gốc tình ái bám sâu, ngay ở cõi người vui ít khổ nhiều, còn trong nẻo luân hồi thì sanh lên cõi nhân thiên như đất nơi móng tay, đọa xuống ba đường ác như đất miền đại địa! Cổ nhân đã bảo: *“Tam đồ một đọa ngàn muôn kiếp.*

Tái phục nhân thân biết lúc nào?”. Nếu trong đời này không thống thiết vì sự khổ sống chết luân hồi, mỗi niệm vẫn theo tình nhiễm, muốn đem lòng tin hời hợt niệm Phật để cầu thoát ly, thì khác nào mong dùng một gáo nước để cứu muôn xe lửa đổ? Tu hành như thế chỉ e khi mất thân người khó bề lại được, một phen bê trễ tiếc hận lâu dài! Vậy phải phát lòng tinh tấn, dùng hạnh niệm Phật vượt phá muôn ngàn vọng tưởng, tùy thời tùy chỗ đều giữ cho câu Phật hiệu được hiện tiền. Quyết tâm

hạ công phu khổ thiết như thế, lâu ngày sẽ được thuần thực tương ưng, và câu niệm Phật tự thành một khối. Việc này toàn do nơi mình suy gẫm và hết lòng gắng sức. Nếu đem câu niệm Phật làm hình thức bên ngoài, chắc chắn khó mong có ngày được vãng sanh giải thoát!”.

Đại Sư ở Lô Sơn được mấy năm rồi sang trụ tích tại Tào Khê. Tháng mười niên hiệu Thiên Khải thứ ba, ngài cảm bệnh nhẹ, bảo người rằng: “*Lão Tăng duyên đời đã sắp hết!*”, rồi tắm gội đốt hương, ngồi ngay thẳng mà viên tịch.

Lúc ấy có ánh sáng chói hừng trời. Đại Sư hưởng thọ được bảy mươi tám tuổi.

ĐẾ NHÀN PHÁP SƯ

Thích Đế Nhàn, pháp danh Cổ Hư, hiệu Trác Tam họ Châu, người ở Hoàng Nham tỉnh Triết Giang. Pháp sư tánh huệ đã thông, căn lành sẵn đủ, hai mươi tuổi đến xuất gia nơi chùa Bạch Vân huyện Lâm Hải. Hai năm sau được thọ giới cụ túc tại chùa Quốc Thanh ở non Thiên Thai.

Từ đó Đông tham thiền, Hạ học Phật, pháp sư tinh tấn hành đạo, gần gũi với các bậc kỳ túc, và rất tương đắc cùng Mãn Hy Lão Nhân. Ngài từng

dự khóa giảng Pháp Hoa, nghe chưa trọn bộ đã lãnh hội ý mầu Tam Đế Tam Quán. Kế tiếp được cho ngồi tiêu tòa phúc giảng lại, lời sâu mầu lý thông suốt, khiến hàng đồng bối đều kinh hãi thán phục. Mẫn Công cũng thở than khen ngợi cho là bậc long tượng trong pháp môn. Năm hai mươi tám tuổi, pháp sư mở diễn hội Pháp Hoa nơi chùa Lục Thông tại Hàng Châu. Khi giảng tới đoạn “*Khai Phật tri kiến*”. Ngài bỗng vào định lặng yên. Giây lát xuất định giảng tiếp thì biện tài không ngại, đáp nạn giải nghi như bình tuôn nước, lời lẽ thâm mở tự tại chẳng ai chế ngự nổi. Từ đó về sau, thường lấy sự hoằng pháp lợi sanh làm trách nhiệm của mình. Pháp sư lại lo huệ nhiều định ít sợ nổi chướng đạo, nên đóng cửa nhập thất nơi am Thánh Quả ở chùa Từ Khê. Lúc rồi rảnh thì nghiên cứu thêm về Đại Thừa kinh điển.

Ba năm sau vừa ra thất, Ngài liền nhận lời cầu thỉnh giảng kinh Pháp Hoa tại chùa Long Hoa ở Thượng Hải. Khóa giảng xong lại về Kim Sơn tự tham thiền, rồi đến chùa Quốc Thanh tu quán. Trải qua thời gian đó, sự giải ngộ của Pháp sư càng đến chỗ sâu sắc nhiệm mầu, được Tổ Thích Đoan Dung chọn làm truyền nhân môn phái Thiên Thai đời thứ bốn mươi ba. Từ đây đến hơn hai mươi năm về sau, Ngài ứng lời cầu thỉnh liên tục

đi giảng khắp nơi ít khi rời rảnh, mở pháp hội kể có mấy ngàn lần. Mỗi ngày Pháp sư đều tụng kinh Kim Cang, Viên Giác, Quán Vô Lượng Thọ, Phổ Hiền Hạnh Nguyên phẩm và niệm Phật hơn một muôn câu lấy làm thường khóa. Ngày rằm và ba mươi lại tụng thêm kinh Phạm Võng.

Trong một đời hoằng hóa, ngài đã trùng hưng chùa Đầu Đà ở Ôn Châu, chùa Vạn Niên ở Thiên Thai, chùa Quán Tông ở Ninh Ba, chùa Phạm Thiên ở Hàng Châu. Ngoài ra còn mở Phật học đường để đào tạo Tăng tài, lập tịnh viện cho đại chúng tu tập. Chùa Quán Tông là nơi thường trụ tích của pháp sư. Ngài trứ thuật rất nhiều lời khai thị, dưới thích ứng với cơ duyên, trên thâm hợp cùng Phật lý, khiến cho phần đông hàng đạo tục đều được lợi ích thấm nhuần. Cách thức chỉ dạy thì giáo mở Thiên Thai, hạnh chuyên Tịnh Độ, nên mỗi khi giảng kinh đều chỉ quy về sự niệm Phật. Bản thân của Pháp sư cũng thật hành theo đường lối đó, hạnh giải kiêm toàn, chúng đều khâm phục, được mọi người tôn xưng là bậc trung hưng Thai giáo thời bấy giờ. Cho đến những điều công ích, các việc từ thiện ngài đều khẳng khái giúp thành.

Trong hai mùa xuân hạ năm Tân Mùi thời Dân quốc, Pháp sư giảng kinh nơi chùa Ngọc Phật

ở Thượng Hải. Ngoài ra lại ứng đáp lời cầu thỉnh của Vô Tích cư sĩ, giảng bài văn Phát Bồ Đề Tâm của Tịnh Am Đại sư. Nhân vì tuổi đã cao, thời tiết nóng bức, Phật sự quá nhọc nhằn, nên sau kỳ giảng Pháp sư lâm bệnh. Lúc trở về bản tự, tinh thần cùng sự ăn uống mỗi ngày thêm suy giảm. Ngài bèn tuyệt hết các duyên, quyết ý chuyên niệm Phật cầu vãng sanh. Sang mùa hạ năm Nhâm Thân, Pháp sư đem thủ tục và quy chế ở chùa Quán Tông giao phó hoàn tất, chỉ định cho môn nhân là Bảo Tịnh nối tiếp hoằng trì.

Đến ngày mừng hai tháng bảy, trước giờ Ngọ, Pháp sư bỗng chấp tay hướng về Tây yên lặng giây phút rồi bảo: “*Đức A Di Đà đã quang lâm tiếp dẫn, lão nhân xin từ đây giã biệt!*”. Nói đoạn, bảo thị giả nấu nước thơm để mình tắm gội. Sau khi thay y phục mới sạch, đắp cà sa xong, Pháp sư dạy đỡ mình lên chánh điện lễ Phật, rồi bảo dìu xuống tự ngòi kiết già trong bảo khám. Kế tiếp, trước khi dạy chúng đồng thanh niệm Phật. **Ngài nói lời kệ phú chúc vắn tắt rằng:**

Ta nhờ niệm Phật
 Tịnh Độ hiện tiền
 Chân thật thọ dụng
 Chúng gắng tinh chuyên!

Quá Ngọ một giờ ba khắc, ngài an lành mỉm cười vãng sanh trong tiếng trợ niệm của đại chúng. Lúc ấy sắc mặt của Pháp sư hiện vẻ rất tươi sáng, mấy giờ sau đánh đầu còn nóng. Bảy giờ nhằm ngày mùng hai tháng bảy, năm Dân Quốc thứ hai mươi mốt (1932), Pháp sư hưởng thọ bảy mươi lăm tuổi, Tăng lạp năm mươi lăm, Di hài được môn nhân làm lễ nhập tháp nơi chùa Từ Khê, non Ngũ Lô.

THỌ TÂM ĐẠI SƯ

Thích Thọ Tâm tự Chuyên Tây, họ Mao, người ở Phương Thành tại Triết Đông. Từ khi mới sanh ra, sư chỉ ăn uống thức thanh đạm, không dùng sữa và thịt cá. Lớn lên, nhằm chán cảnh trần lao, lập chí tu hành liã thế tục. Năm mười tám tuổi, sư vào chùa Tiểu Linh Sơn ở Thành Tây, nương theo Giới Am Pháp sư xuống tóc xuất gia. Lúc sắp thọ Cụ túc, ngài Giới Am đau nặng, Thọ Tâm nghĩ: “*Sự hoằng dương Phật pháp phải nhờ những bậc tôn túc như thầy mình. Tự xét bản thân mong manh tựa sương mai, mạng này đâu có chi đáng tiếc!*”.

Do đó sư nấu nước thơm tắm gội, đến trước

Tam Bảo đốt hương khẩn nguyện, rồi trở về phòng mình tự mổ bụng, muốn cắt lá gan hòa với thuốc để trị bệnh cho thầy. Đâu hay vừa mới đưa dao rọc nhẹ vào bụng, bỗng đau đớn xẩy xảm té xuống đất. Giây lát sư hồi tỉnh, bò lại giường thì phương đông trời đã rực sáng. Đại chúng phát giác, cùng nhau lo buộc thuốc băng bó cho sư. Ngài Giới Am hay biết chuyện đó, vội Thọ Tâm đến an ủi rằng: *“Lòng hiếu tử của con tuy mạnh mẽ, nhưng trọn không phải là chánh hạnh của người tu. Huống nữa ta tự biết thời tiết nhân duyên, đã rõ sanh vốn vô sanh, thì có chi là diệt? Việc của con làm hoàn toàn do vọng tưởng, nhưng ta nghĩ thương một niệm hiếu thành, nên tạm lưu lại ít lâu!”*

Quả nhiên sau khi sư thọ Cụ túc trở về vừa độ một tháng, thì ngài Giới Am liền quy tịch. Thọ Tâm thiên tánh hiếu thuận, thương khóc quá phần, lo việc tần liệm chôn cất, mỗi mỗi đều chu đáo.

Không bao lâu, sư đem việc chùa giao phó cho pháp đệ là Liên Đường, còn mình thì đi các nơi tham học. Sư nghiêm giữ giới luật, tu hạnh đầu đà, chân trần lộ đảnh, mùa đông tiết hạ chỉ một manh áo, thường chuyên lo niệm Phật. Mọi người thấy thế đều xưng gọi là Xích Cước Đại sư. Mùa thu năm Tân Tỵ trong niên hiệu Quang Chũ, Thọ Tâm trở về chùa Tiểu Linh Sơn. Lúc ấy nắng hạn

đã lâu, những làng quanh vùng đều lập đàn đảo võ. Quan huyện là Tôn Công lòng lo như đốt, ngày đêm khẩn cầu mà chưa thấy ứng nghiệm. Thọ Tâm động lòng thương xót, đi thẳng đến ra mắt Tôn Công, an ủi khuyên chớ quá lo, việc cầu mưa để tự mình lãnh trách nhiệm. Hôm sau là ngày Nhâm Tý, sư ôm bát đến vực suối cạn lấy được một vật hình như cái Thủ Cung. Đến ngày Ất Mão, Thọ Tâm lập đàn trì chú, lễ bái sáu thời. Sang giờ Dần ngày Bính Thìn, trời xuống cơn mưa nhưng giây phút lại tạnh. Tôn Công sai các thân hào do ông Lý Tiêu Nham hướng dẫn, đến xin cầu đảo thêm. Sư bảo: *“Các vị chớ lo, ngày mai sẽ có mưa lớn!”*. Đêm ấy Thọ Tâm chí thành trì chú cầu nguyện, đánh lễ tới sáng. Quả nhiên vào giờ Ngọ ngày Đinh Tỵ, mưa đổ xuống như trút dẫn đến chiều tối, ruộng nương đều đầy đầy nước. Dân chúng trong vùng vui mừng hơn hởi. Tôn Công xuất lãnh hàng thân hào lên núi tạ ơn.

Quan huyện giữ lễ đệ tử, tự tay viết bốn chữ lớn *“Bát Long Giáng Trạch”* để kỷ niệm. Sư vẫn an tĩnh điềm nhiên, không lộ vẻ chi khác. Tôn Công than rằng: *“Nay mới biết Tăng đức uyên thâm, không thể nghĩ bàn được!”*.

Mùa thu năm Nhâm Ngọ, Thọ Tâm đóng cửa thất tạ tuyệt các duyên, mỗi ngày trì chú Đại Bi

một trăm lẻ tám biến, niệm Phật mười muôn câu. Ngoài ra còn tụng danh hiệu Quán Âm, Thế Chí một ngàn lần, lễ hồng danh đức Thích Tôn và Tây phương Tam Thánh, mỗi vị đều ba mươi lạy.

Trong thất sư có nuôi một con chó và mèo, mỗi ngày đều vì chúng quy y chú nguyện. Do đó nên mèo không bắt chuột, chó chẳng ăn đồ dơ. Sau ba năm, vào ngày mười chín tháng chín, sư ra thất. Đến đầu tháng mười một, Thọ Tâm nhiễm bệnh kiệt lực nhẹ vài ngày rồi lành. Nhưng từ đó thân thể lần suy yếu, chư Tăng thay phiên hầu hạ, sư không cho, bảo: *“Phận xuất gia, mỗi người đều có công khóa tu hành, đừng nên để làm lỡ nhau. Nếu quả đến thời, sẽ cho người kêu gọi!”*. Chiều tối đến ngày hai mươi sáu, Thọ Tâm vờ các đồ chúng đến gần giường dạy rằng: *“Đêm nay ta sẽ về Tây phương, nên mau nấu nước thơm đem đến!”*. Sau khi cạo tóc, tắm gội và thay y phục xong, sư ngồi kiệt già cử bài tán Phật, bảo chúng hòa theo. Lúc niệm Phật độ hơn trăm câu, tiếng sư thấp nhỏ dần, đầu hơi cúi xuống. Bỗng lại ngược đầu lên ngay thẳng, nói: *“Ta đi đây! Đại chúng nên trân trọng!”*. Rồi cao tiếng niệm Phật một câu mà viên tịch. Đêm ấy hai con thú chó và mèo nuôi trong thất, cũng đồng ngồi thoát hóa. Mọi người đều bảo nó vĩnh sanh theo sư.

Bấy giờ nhằm năm Ất Dậu, niên hiệu Quang Chử.

TU NGẠN ĐẠI SƯ

Thích Tư Ngạn tự Nguyên Đăng, con nhà họ Tạ ở Tiên Đường tại Hàng Châu. Lúc tuổi trẻ ông theo học Nho vào hàng Chư sanh. Không bao lâu cảm thấy việc đời vô thường, nên quy y Tam bảo, đi tham học khắp các bậc tri thức về Tông và Giáo. Sau ông nghe Ngọc Phong Pháp sư khai thị: “*Muốn cầu thoát khổ, chỉ có pháp môn Niệm Phật là dễ thành tựu*”, liền phát tâm mỗi ngày trì Phật hiệu sáu muôn câu lấy làm định khóa. Bình sanh có làm công đức chi, đều hồi hướng về Tĩnh Độ. Năm Nhâm Thân niên hiệu Đồng Trị, lại phát tâm thọ ngũ giới nơi chùa Hải Triều. Năm Quang Chử thứ chín, ông chán cuộc trần lao, muốn sớm cầu giải thoát, nên đem việc nhà giao phó cho hai con, đi thẳng đến chùa Hộ Quốc, lễ Hòa Thượng Kính Phong cầu xuống tóc xuất gia. Mùa đông năm ấy, sư được duyên lành thọ giới Cụ túc nơi chùa Kỳ Viên ở Túc Sơn. Kế đó lại trở về chùa Hộ Quốc chuyên tu Tĩnh nghiệp. Do gắng công lao nhọc đã lâu, Tư Ngạn lần nhiễm bệnh, tuy thuốc thang điều trị nhiều phen, song bệnh lành rồi lại

tái phát. Hai con trai nhớ mền, rước sư về dưỡng bệnh nơi nhà, mở một gian tịnh thất để làm chỗ tĩnh tu. Mùa thu năm Quang Chũ thứ mười lăm, sư bỗng vương chứng hạ ly, thuốc thang không công hiệu. Từ đó sự ăn uống tuy lần kém giảm, song sức niệm Phật lại thêm thành kính thiết tha. Tới ngày mùng mười tháng chín. Tư Ngạn gọi hai con lại bảo rằng: *“Thời kỳ vãng sanh của thầy đã đến, hai con hãy đi thỉnh chư Tăng về nhà niệm Phật bảy ngày, để hộ ta về Tây phương!”*. Sư định sáng sớm ngày mười hai khởi đầu kỳ Phật thất, bảo với vị Tăng là Lăng Phong rằng mình chỉ còn lưu trụ bảy hôm nữa thôi.

Sang ngày rằm, lại cầm tay Tăng hữu là Đình Sơn nói: *“Chỉ còn ba hôm, tôi sẽ về Cực Lạc!”*.

Đến tối ngày mười bảy, sang canh tư, sư hỏi mấy giờ, hai con đáp là giờ Sửu. Tư Ngạn nói: *“Giờ Sửu tức đã qua ngày mười tám, là kỳ hạn thầy vãng sanh. Vậy nên thỉnh chư Tăng xưng hồng danh trợ niệm!”*. Khi chúng xưng Phật hiệu, sư cũng niệm theo. Ước chừng tàn nửa cây hương, bỗng lặng thình nhăm mắt. Giây lâu chợt mở mắt chấp tay, đối chúng Tăng xưng tạ và nói: *“Tôi đã được đến Tây phương lễ căn đức A Di Đà cùng hai vị Đại Sĩ. Phật rủ lòng thương xót trao tịnh y cho tôi. Còn Quán Âm Bồ Tát thì cầm cành*

đương rảy nước cam lộ nơi đầu. Nhìn ra xa, tôi thấy Liên Trì Đại Sư đang thuyết pháp cho các bậc thượng thiện nhân nghe. Bay dạo trên ao thất bảo rộng lớn mênh mang, nhìn khắp các hoa sen báu, tôi thấy một hoa tòa ghi tên chỗ mình sanh về. Đức Phật dạy tôi hãy tạm trở lại Ta Bà, cáo tri cho mọi người biết rằng mình được sanh về Tịnh Độ. Xin phụng khuyến các vị nên gắng chuyên tinh niệm Phật, để ngày kia cùng gặp nhau nơi cõi Liên bang! ”. Nói xong bảo đem nước mát uống ba hớp, rồi lại giương nằm nghiêng bên hữu, niệm Phật vài mươi câu mà thoát hóa.

Hôm sau, khi nhập quan, đánh đầu hãy còn nóng.

CHÍ THIỆN THIÊN SƯ

Chí Thiện Thiên Sư, người đời Thanh, chưa được rõ xuất xứ. Trong niên hiệu Đồng Trị Quang Chử, ngài mở pháp hóa nơi chùa Hải Hội ở Lô Sơn. Thiên Sư đạo hạnh cao siêu, bốn chúng ngưỡng mến nương về, là bậc danh đức ở miền Giang Tây trong thời cận đại. Sau khi ngộ suốt tâm tông, ngài chuyển sang niệm Phật, sự tự tu và khuyến hóa người đều lấy Tịnh Độ làm nơi quy hướng. Cho

nên trong thời gian đó, cư dân nơi vùng núi ấy, người đều đeo chuỗi, nhà đều thờ Phật. Từ hạng nông công cho đến kẻ tiểu phu mục đồng, khi rảnh việc phần nhiều ngồi nơi gốc cây hoặc trên tảng đá nhắm mắt niệm Phật, là điều thường thấy không ai còn lấy làm lạ. Di phong ấy đến nay vẫn còn nối tiếp lưu truyền.

Lúc lớn tuổi, Thiền Sư đem việc chùa giao phó cho hàng cao đồ là Thanh Hư Hòa Thượng, còn mình thì ở nơi tịnh thất chuyên tu. Học chúng khi vào thất thỉnh ích, ngài đều bảo tự tiện ngồi, rồi tùy cơ mà ứng đối chỉ dạy. Có vị Tăng là Cẩm Phong, làm chức Tàng Chủ coi kho vật thực trong chùa, mỗi ngày cũng trồng rau bổ củi tham thiền niệm Phật, chúng đều xem như người thường. Một năm vào đầu mùa đông, sư đến phương trượng xin nghỉ việc. Thanh Hư Hòa Thượng dạy: *“Thường trụ mới khởi kỳ Phật thất, ông chớ vội rời bỏ sớm, nên ở lại đây hết năm rồi sẽ đi!”*. Sư thưa: *“Thời kỳ đã đến, không thể chờ đợi!”*. Hòa Thượng bảo: *“Ta vì ông mà cầm lại!”*. Cẩm Phong lễ tạ rồi lui ra. Sang xuân vào ngày mùng ba, sư lại đến xin đi. Hòa Thượng nói: *“Đâu năm mới ông đi chúng sẽ động niệm, nên nán lại đôi ba hôm nữa!”*. Cẩm Phong lại lui ra.

Qua ngày mùng mười, sư lên phương trượng

kiên quyết xin đi và nói: *“Tôi cùng các bạn đồng tham sống chung với nhau đã lâu, nên có mối hậu tình. Qua tiết Nguyên Tiêu, phần đông Tăng chúng sẽ tản đi du phương các nơi, về sau không còn có cơ duyên gặp gỡ. Vì thế tôi muốn các đồng bạn đưa nhau một đoạn đường!”*. Hòa thượng nghe nói chấp thuận. Cẩm Phong lễ tạ, rồi sang yết kiến ngài Chí Thiện. Thiền Sư dự biết trước, để sẵn một chén nước trong vắt, dặn thị giả rằng: *“Nếu Cẩm Tàng chủ đến đây, bảo hãy uống chén nước này, không cần phải vào ra mắt”*. Thị giả đem điều ấy nói lại, Cẩm Phong bái lãnh mà uống. Đến giờ ngộ, sư vẫn theo chư Tăng thọ trai.

Trai cúng xong, Hòa hượng bạch với chúng rằng:

“Cẩm Tàng chủ sắp đi xa. Vây sau giờ ngộ hai tiếng bồng, xin đại chúng đồng đắp y đem mõ nhỏ và khánh cùng đến liêu phòng tin đưa Tàng chủ!”. Chúng nghe nói hầu hết đều có vẻ ngơ ngác lẩy làm lạ. Đến giờ, Duy Na hướng dẫn chư Tăng đến nơi, Cẩm Phong đã dọn thất trông trải sạch sẽ, chính giữa để bàn hương án thờ Phật, hai bên sắp chỗ ngồi cho đại chúng. Giây phút Hòa Thượng tới, Cẩm Phong cúi lạy, rồi hướng về chư Tăng đánh lễ. Ngài Thanh Hư ân cần nói kệ phú pháp. Chừng đó đại chúng mới biết là Tàng Chủ sắp viên

tịch, sanh về Tây phương. Sau khi Hòa Thượng lui ra, Duy Na cử xướng kinh A Di Đà, Cẩm Phong về chỗ ngồi theo chúng mà trì tụng. Khi đến bài kệ tán tiếp sang niệm Phật, cây hương vừa cháy thêm độ một tấc, tiếng của sư thấp nhỏ lèn, xâu chuỗi cầm nơi tay rơi xuống chiếu. Vị Tăng ngồi gần bên dò thăm, rồi ra dấu Tăng Chủ đã tắt hơi. Đại chúng không dám kinh động, vẫn niệm Phật như cũ. Một lúc, Cẩm Phong bỗng mở mắt, yêu cầu chư Tăng luân phiên trợ niệm luôn một ngày đêm. Nói xong, sư liền nhắm mắt đi thẳng. Năm Mậu Tuất trong niên hiệu Quang Chử, triều đình thay đổi chính sách mới. Ngài Chí Thiện than rằng:

“Thời kỳ Phật pháp suy tàn đã đến, ta già rồi không làm sao cứu giúp được! Chỉ nguyện sớm sanh về Cực Lạc, sau khi chứng quả Vô sanh, sẽ trở lại cõi này để hộ trì chánh giáo!”. Nói xong, viết thơ gửi chư đại đức khắp nơi, ngõ lời già biệt. Bấy giờ Thanh Hư Hòa Thượng đang trụ trì tại chùa Viên Thông ở Nam Xương, được tin thơ vội vã trở về. Khi Hòa Thượng vừa bước vào chùa, thì ngài Chí Thiện còn đang ngồi tựa án viết lời phú chúc. Thấy Hòa Thượng, Thiên Sư chu tất công việc rồi cười bảo: *“Việc lớn đều giao phó hết cho ông. Ta đi đây!”*. Nói xong ngồi ngay nơi tòa mà thoát hóa.

MẶC AM ĐẠI SƯ

Mặc Am Đại sư, pháp danh Thượng Nhân tự Chân Nguyên, họ Châu, người ở Hoàn Châu tỉnh Hồ Nam. Cha học Nho, mẫn phần sớm, ngài còn bé mà đỉnh ngộ sáng lạ, liếc mắt qua đã đọc xong mấy hàng sách. Năm mười lăm tuổi, văn tài tiên vượt xa các đồng bạn, thầy dạy học nghĩ rằng đường công danh về sau tất sẽ rục rờ. Hai năm kế đó, ngài đến ở trọ chùa Nhạn Phong học tập, nhân chép kinh Kim Cang tới câu: “*Tâm quá khứ, hiện tại, vị lai đều không thể được*”, bỗng chợt nảy sanh tư tưởng xuất trần.

Năm Hàm Phong thứ bảy, mẹ muốn tìm nơi hỏi vợ cho, Ngài lén trốn đến chùa Nam Phong, nương theo Phổ Chiếu Thiền Sư xuất gia. Năm sau, lại đắc giới nơi Thúc Đình thượng nhân ở chùa Phước Nghiêm. Đại Sư nghe Chúc Thánh Lượng Thiền Sư pháp hóa rất thanh, đến thọ tâm ấn. Qua năm kế, lại yết kiến Pháp Vân Thiền Sư, đi sâu vào giáo nghĩa, do đó đối với sách Nho cũng được suốt thông. Các bậc danh tài thạc học nghe tiếng Đại sư, đều thích tìm đến để giao du. Ngài đồng mãnh về việc hướng thượng nên tới ẩn tích ở Kỳ Cung Nham tại Nam Nhạc, cùng với Thiêm Vân Pháp sư nương nhau sách tấn để tham cứu tu hành.

Song niên hiệu Đồng Trị, Đại Sư đi tham phòng khắp các bậc tôn túc nam bắc ngộ nhập nguồn tâm, rồi trở về chùa Phước Nghiêm duyệt xem Đại Tạng. Mùa thu năm Quang Chũ thứ hai, ngài lại cất tịnh xá bên chùa Chúc Thánh ở Nam Nhạc, khổ thiết mật tu, lâu ngày sự tỏ ngộ càng thêm sâu sắc. Từ đó các sách vở ngoại thủy đều quán triệt, hàng danh sĩ lại tìm đến giao du như cũ. Chùa Đại Thiện ở Nam Nhạc, nguyên là một danh lam cổ, bị người xâm chiếm, Đại Sư quyền tiền chuộc lại rồi trùng tu. Ngài phỏng theo quy tắc của Triệt Ngộ Thiền Sư tổ chức sự tu học, nên chư Tăng mười phương vân tập về, đến đổi không đủ chỗ dung chứa. Tất cả học chúng nơi đó đều suốt thông tánh tướng, giữ luật hạnh trang nghiêm. Đại Sư lấy Thiên Thai giáo quán làm tiền đạo cho hàng học giả, lấy Di Đà Tịnh Độ làm chỗ cứu cánh nương về. Ban sơ Đại Sư giữ nhứt khóa niệm Phật sáu muôn câu, lâu ngày đi đến cảnh không niệm tự niệm, nên câu hồng danh chẳng lúc nào gián đoạn.

Mùa xuân năm Nhâm Dần, Đại Sư đem việc chùa giao phó cho đệ tử thượng thủ và nói: “*Ta sắp về Tây phương!*”. Sang Đông, ngài cử hành lễ Phật thất. Được hơn một tuần, trong định Đại Sư thấy nước bát công đức lóng lánh nơi ao thất bảo trang nghiêm. Không bao lâu ngài cảm bệnh nhẹ,

từ khước thuốc thang một lòng niệm Phật và bảo đồ chúng luân phiên trợ niệm. Kế đó Đại Sư tuyệt thực ẩm, nằm theo lối kiết tướng nghiêng về bên hữu, giữ pháp Kim cang trì niệm. Hôm sau ngài thấy đức A Di Đà hiện thân, tướng bạch hào quang sáng chói, liền trở dậy ngồi kiết già hướng về Tây, bảo xếp dọn chăn gối. Thị giả ngần ngại trình thưa tiết trời quá lạnh, Đại Sư bảo: *“Ta sắp từ bỏ tế phục đổi lấy trần phục, bỏ huyễn thân như chớp thay thân bảo chất đẹp nghiêm!”*. Tăng chúng hay tin tụ hội đến, ngài an tường nhìn khắp xung quanh và chăm rãi hỏi: *“Thế nào là giải thoát?”*.

Chúng đều nhìn nhau không khế hội. Đại Sư mỉm cười bảo: *“Đã vậy, chi bằng học theo ông già bà cả quê mùa, ăn chay trường chân thành mà niệm Phật là chắc chắn hơn cả!”*. Kế đó dạy chúng đánh mõ trợ niệm, giầy lát tiếng mõ hơi gấp, ngài bảo dừng lại, chỉ đồng thanh xưng Nam mô A Di Đà Phật. Khi niệm độ hơn một trăm câu, Đại Sư chấp tay mà thị tịch. Bấy giờ nhằm ngày mười ba tháng chạp, năm Quang Chử thứ hai mươi tám. Vài giờ sau chúng dò thăm thấy đảnh của ngài còn nóng, thân thể đều nhu nhuyễn.

Đại Sư hưởng tuổi đời được sáu mươi bốn, Tăng lạp bốn mươi bốn.

DƯƠNG KIẾT

Cư sĩ Dương Kiệt, tự Thứ Công, người đời Tống, ở huyện Vô Vi, nên tự hiệu là Vô Vi Tử. Trong niên hiệu Nguyên Phong, ông làm quan Thái Thường, ban sơ mến thích Thiền Tông, hằng đến pháp hội của Thiên Y Hoài Thiền Sư, tham cứu về cơ ngữ của Bàng cư sĩ. Đến khi phụng chiếu đi tế ở đình Thái Sơn, thấy vàng hồng mọc lên như chiếc mâm tròn rực rỡ, bỗng nhiên đại ngộ.

Cuối năm Hy Ninh, ông cư tang mẹ ở quê nhà, nhân lúc rảnh duyệt tạng kinh, liền quy hướng về Tịnh Độ. Cư sĩ vẽ tượng Phật A Di Đà cao một trượng sáu, hằng đem theo mình để quán niệm. Thuở bình sanh có những trí thuật, phần nhiều đều chỉ đạo về Cực Lạc. Ông từng viết lời tựa trong quyển Tịnh Độ Thập Nghi Luận của ngài Thiên Thai như sau:

“Ái tâm chẳng nhiễm nặng, thì không sanh ở Ta Bà. Niệm Phật chẳng chuyên nhất tất không sanh về Cực Lạc. Ta Bà là cõi ác nơ, Cực Lạc là miền đẹp sạch. Mạng sống ở Ta Bà có hạn. Thọ số ở Cực Lạc không cùng! Nơi Ta Bà đủ các sự khổ, ít có niềm vui. Miền Cực Lạc phiền khổ chẳng còn, an vui vô lượng. Ta Bà theo nghiệp luân hồi, không biết lúc nào được thoát ly. Cõi Cực Lạc một

khi được sanh, tất không thoái chuyển, lần lượt chứng đến quả Đại Giác. Nếu muốn hóa độ mười phương, tùy ý tự tại, không còn bị nghiệp buộc ràng. Xét qua hai cõi, các sự: ác nhơ, đẹp sạch, phiền khổ, an vui, mạng sống ngắn ngủi, thọ số dài lâu, mãi luân hồi, mau chứng ngộ, đều trái khác nhau. Như thế, mà chúng sanh mê mờ không biết, há chẳng đáng thương xót lắm ư?”

Đức Di Đà là bậc nhiếp thọ tiếp dẫn ở Cực Lạc. Phật Thích Ca là vị chỉ đạo Tịnh Độ ở Ta Bà. Cho nên trong các giáo điển Đại Thừa của Ngài, phần nhiều đều hết lời cặn kẽ khuyên bảo vãng sanh. Bồ Tát Quán Âm, Thế Chí theo phụng trợ đức A Di Đà, cùng nương thuyền đại nguyện vào biển luân hồi, chẳng trụ bờ bên này bên kia cùng giữa dòng, mà làm việc tế độ. Cho nên kinh A Di Đà nói: “*Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nào, nghe nói Phật A Di Đà, niệm giữ danh hiệu, hoặc từ một ngày cho đến bảy ngày, một lòng không loạn. Kể đó đến lúc mạng chung, được Phật A Di Đà cùng các Thánh chúng hiện ra ở trước. Người ấy khi mạng chung lòng không điên đảo liền được vãng sanh về cõi nước Cực Lạc của Phật A Di Đà!*”.

Cho nên khi xưa ở viện Vô Thường tại Kỳ Hoàn tinh xá, Phật dạy người bệnh nằm day mặt hướng phương Tây, tưởng sanh về Tịnh Độ. Tại

sao thế?

Bởi đức A Di Đà phóng ánh sáng soi khắp pháp giới, nhiếp lấy chúng sanh niệm Phật không bỏ sót. Vì thánh phàm đồng một tâm thể, nên cơ cảm hợp nhau, có niệm tất có ứng. Cho nên chúng sanh trong tâm chư Phật, nếu biết quay về, mỗi niệm đều là Tịnh Độ. Chư Phật trong tâm chúng sanh, ánh linh soi khắp, mỗi chỗ đều là từ bi.

Lấy đây mà xét: người trí tuệ dễ vãng sanh, vì dứt trừ nghi hoặc. Người thiên định dễ vãng sanh, vì lòng không tán loạn. Người trì giới dễ vãng sanh, vì xa các nhiễm ô. Người bố thí dễ vãng sanh vì xả bỏ của trần. Người nhẫn nhục dễ vãng sanh vì không cửu mang oán hận. Người tinh tấn dễ vãng sanh, vì mau thành tựu tịnh niệm. Người không tạo thiện không tạo ác cũng dễ vãng sanh, vì một lòng quy hướng thuần nhất. Người làm các điều ác, nghiệp báo đã hiện, cũng dễ vãng sanh, nếu biết thẹn sợ mà niệm Phật. Trái lại, kẻ tuy tạo các công đức lành, nếu không có lòng tín nguyện hồi hướng, tất không được vãng sanh vậy!

Ôi! Hiệu Di Đà rất dễ niệm, cõi Tịnh Độ rất dễ sanh! Chúng sanh không muốn niệm, không cầu sanh, Phật dù xót thương cũng chẳng biết làm sao được? Và chẳng: tạo ác nghiệp đọa đường khổ, niệm Di Đà sanh cõi vui, hai điều ấy đều là lời

Phật dạy. Chúng sanh chỉ lo sợ đọa địa ngục, mà nghi ngờ sự vãng sanh, há cũng chẳng mê làm ư?

Trong năm Nguyên Hựu, ông làm quan Đề Hình tại Lương Triết, rồi mãn phần ở đó. **Khi lâm chung, nói kệ rằng:**

Sống vẫn không chi luyến
Thác cũng không chi xả
Giữa khoảng thái hư không
Mặc chi hồ giả dã!
Dem lầm đến sai khác
Cõi Tây phương Cực Lạc!

Trước đó, quan Hữu tư tham quân là Vương Trọng Hồi, người lân lý với Thứ Công, vẫn từng theo ông thọ học pháp môn Niệm Phật, có hỏi rằng: “*Làm thế nào để được không gián đoạn?*”. Ông đáp: “*Sau khi đã tin chắc chẳng còn nghi, tức là không gián đoạn!*”. Trọng Hồi nghe nói lãnh ngộ, vui mừng khắp khởi, từ tạ ra về. Năm sau, Thứ Công làm quan ở Đơn Dương, một đêm mơ thấy Trọng Hồi đến thưa rằng: “*Trước kia nhờ ngài chỉ dạy về Tịnh Độ, nay tôi đã được vãng sanh, nên đến đây tạ ân!*”. Nói xong đánh lễ rồi lui. Mấy hôm sau, ông được thơ cáo phó của con Vương Trọng Hồi. Trong ấy, kể rõ cha mình dự biết vãng sanh, có đi khắp nhà thân hữu từ biệt. Khi Thứ Công đã mãn phần, có Kinh Dương phu nhân nằm

mộng dạo chơi đến cõi Tây phương, thấy một vị thân tướng đoan nghiêm ngồi trên hoa sen, đội mão ngọc, đeo anh lạc, tà áo phát phơ theo gió nhẹ. Bà hỏi là ai, được cho biết là Vô Vi Tử Dương Kiệt.

VƯƠNG CỎ

Cư sĩ Vương Cỏ, tự Mẫn Trọng, người đời Tống, ở Đông Đô, nguyên là tăng tôn của Tướng quốc Vương Văn Đán. Gia tộc bảy đời đã giữ giới bất sát, đến phiên cư sĩ lại phát tâm phóng sanh một trăm muôn vật mạng.

Khi ông làm quan ở Giang Tây, từng cùng các bậc lão sư như: Hối Đường, Dương Kỳ nghiên tập về Thiên Tông. Cư sĩ có trứ tác quyển Trục Chỉ Tịnh Độ Quyết Nghi Tập, hoằng dương môn Niệm Phật. Lúc rỗi rảnh, tràng chuỗi chẳng rời tay, đi đứng nằm ngồi hằng tu tịnh quán không xen nghĩ. Ông có viết bài tựa quyển Tịnh Độ Bảo Châu Tập như sau:

“Chúng sanh tâm tịnh, thì cõi Phật tịnh, Pháp tánh vô sanh mà vẫn hằng sanh. Nay có đức Thế Tôn, hiện ở cõi Cực Lạc. Phật đó đang thuyết pháp, hiệu là A Di Đà. Nơi quốc độ ấy, duyên thắng màu đẹp, kiếp thọ lâu dài. Vị hóa chủ kia, bi nguyện

rộng sâu, tiếp dẫn quần loại. Đức Phật ánh sáng vô biên, nhiếp thọ mười phương hàm thức. Cảnh trí nhiệm màu đẹp sạch, trang nghiêm chẳng thể nghĩ bàn! Lưới châu giăng sáng giữa hư không, cây báu bày hàng trên mặt đất. Nước ao hàm tám đức, sen ngọc phóng muôn màu. Sáu thời nghe thiên nhạc thanh tho, ức cõi đem diệu hoa rải cúng. Chư Phật sáu phương đồng khen ngợi, chúng sanh mười cõi niệm nguyện nương về. Hàm thức trong tâm vô lượng, niệm niệm vãng sanh. Di Đà nơi tâm chúng sanh, hằng hằng nhiếp hoa. Chắt gói hoa sen, không lìa đương xứ. Thần chơi cõi Tịnh, chẳng ngoài tự tâm. Như gương hàm muôn tượng, mà không có đến đi. Tợ trăng ẩn ngàn sông, đâu phải là lên xuống! Pháp độ cơ viên đốn, đều là bậc Bồ Xứ Nhất Sanh. Cửa mở nẻo quyền thừa, bày sắp lớp Liên hoa cứu phẩm. Niệm Vô Lượng Quang trong bản tánh, xưa nay không niệm. Sanh An Dưỡng quốc của duy tâm, vốn thật chẳng sanh. Thoát vòng mê khổ, mười niệm siêu đến cảnh Liên trì. Về cõi chân như, ba thừa kết chứng ngôi Diệu giác. Đá to nhờ chuyên chở mà khỏi bị đắm chìm. Thuyền nhẹ thuận nước buồm, tất không điều trở ngại. Lúc mê mờ, đường tuy gần mà xa. Khi tỏ ngộ, nẻo không xa chẳng cách.

Thương ôi! Những kẻ học ít chướng nhiều,

nghe sâu huệ cạn, hoặc bài bác niệm Phật cho là môn quyền tiểu, hoặc mê mờ Tịnh Độ chẳng rõ có hay không? Họ đâu biết rằng: ché niệm Phật là ché chư Tổ Vĩnh Minh, Trí Giả; bác Tịnh Độ là bác Đại Sĩ Long Thọ, Mã Minh! Những người ấy, không tin mình sẽ được thọ ký Bồ đề, không chịu trở lại quê hương xưa bản giác. Thế rồi thân chim lồng cá chậu, vẫn mê mãi nhờn nhờn; kiếp được gió bóng câu, lầm tưởng mơ bên bể. Báo thân khi mãn, còn đâu là cuộc vui trần. Luân chuyển không cùng, uống chịu vào nơi khổ thú! Đâu nghĩ đến: đáng Giác hoàng khuyên dạy, giọng kim khẩu hết lời. Mà để được: bạn Thánh Hiền trong sát na, đủ tướng hảo trong khoảnh khắc. Trước thọ lạc xa lìa ngũ trước, sau bị tăng cứu vớt tam đồ. Việc này mà thờ ơ, thật là đáng thương xót!”

Triều vua Huy Tôn, ông làm quan Hộ Bộ Thị Lang, bị vu cáo mất chức, kể đó niệm Phật mà thoát hóa. Một vị Tăng thân thức dạo chơi Tịnh Độ, thấy có Vương Cổ cùng Cát Phiền đồng ngồi nơi hoa sen. Cát Phiền người ở Trùng Giang, làm quan đến chức Triều Tán Đại Phu. Khi tại công thự hoặc tư gia, ông đều để một gian tịnh thất riêng thờ Phật. Một hôm đang lúc lễ tụng, xá lợi từ hư không rơi xuống. Sau ông không bệnh, ngồi ngay thẳng day mặt về Tây niệm Phật mà qua đời.

NGU THUẦN HY

Cư sĩ Ngu Thuần Hy, tự Trường Nhu, người ở Tiền Đường, lúc mới sanh ra nằm ngửa tỉnh táo không nhắm mắt. Khi lên ba tuổi, miệng niệm Phật chẳng ngớt, thường thấy hoa sen cây báu hiện ở trong nhà. Thuần Hy đem cảnh giới ấy thuật lại, thì bà nội bảo: “*Đó là tướng đẹp lành ở Tây phương!*”. Rồi nhân đó bà dạy cho tập định. Từ đây ông thường ngồi kiết già ngay thẳng, sụp đôi mi mắt. Em là Thuần Trinh, tự Tăng Nhu, cũng có căn lành Phật pháp, lúc tuổi trẻ cùng ông rất tương đắc. Khi thọ tang mẹ, cả hai đồng tu pháp Thiên Thai Chỉ Quán.

Lớn lên, Thuần Hy làm thầy dạy trẻ trong làng, thường chỉ bảo học tập môn Chỉ Quán. Việc này làm cho người chủ nhà trọ bất mãn, nhưng ông chẳng mấy để tâm. Kế đó đỗ kỳ Thi Hương, rồi dời đến Tỳ Sơn dạy học. Ông từng cùng bạn đồng xã tụng Lương Hoàng Sám, cảm mây lành đoanh trong nhà, ánh sáng lạ chiếu vào thất, cam lộ rơi phơi ướt vách, trời mưa xuống lúa vàng nếp đen cùng hương trầm thủy. Lúc ấy đang tiết đông mà trăm hoa đều đua nở xung quanh. Thuần Hy cảm điềm linh dị, tu tập định lực càng bền chắc, nên có thể dự biết mọi việc. Vân Thê Đại Sư nghe

được chuyện ấy, răn nhắc rằng: “*Đó chỉ là cảnh giới lành tạm hiện, nếu tự cho là chứng đắc, tất sẽ lạc vào lưới ma?*”. Năm Vạn Lịch thứ mười một đời Minh, ông đỗ Tiến sĩ, vì tang cha, về cáo lều bên mộ thủ hiếu ba năm. Nhân dịp rảnh, lại đến thọ quy giới cùng ngài Vân Thê. Lúc ở nhà mộ gần núi, mỗi ngày ông đều đem cơm canh thí cho loài nai thỏ, có hồ báo đến liền thét quở đuổi đi. Khi mãn tang, cư sĩ tựu chức, làm quan Phương Ty Chủ Sự. Không bao lâu, lại xin cáo thoái, lên non Thiên Mục ngồi trước tử quan của Cao Phong Diệu Thiên Sư thuở xưa, ngày đêm tham thiền. Đến ngày thứ hai mươi mốt, trong người mệt mỏi vừa muốn tạm nằm nghỉ, chợt như mơ thấy Cao Phong Diệu Thiên Sư chém đứt cánh tay trái, bỗng rỗng rang đại ngộ. Ông đem cảnh giới ấy cầu chứng với ngài Vân Thê. Đại Sư bảo: “*Phàm người mới thức tỉnh, nếu không trôi dạt chải gỡ bụi khấn, mà còn nằm yên trong chăn gối, tất trở lại mơ màng. Kể mới ngộ đạo cũng thế, nếu chẳng gắng tự trang nghiêm, mà còn gần nơi uế trược, tất sẽ mê trở lại. Mãng non dễ bị gãy, hoa sen gần lửa dễ bị héo. Ông phải tự lo liệu, chớ vì được một điểm ánh sáng nhỏ, mà làm trở ngại sự tiến tu của mình!*”. Nhân đó, Đại Sư khuyên cư sĩ nên niệm Phật hồi hướng về Tịnh Độ, để nối tiếp nhân lành đời trước.

Thuần Hy lễ tạ, nguyện trọn đời tuân hành.

Có kẻ đến chơi, bảo mình không tin sự niệm Phật. Cư sĩ nói: “Giác ngộ mình, giác ngộ người, hạnh giác ngộ đầy đủ, gọi là Phật. Niệm Phật, chính là niệm giác ngộ vậy. Mỗi niệm không thường giác ngộ, mà để thường mê, như thế có nên chăng! Chim đỗ nơi gò nông cây cao, người ở trong xóm làng đất nước. Không đậu nơi đất lạnh, mà ở nơi chẳng lạnh, như thế có nên chăng? Sự niệm Phật và cầu về Cực Lạc, chính là đi đến chỗ giác ngộ cùng sanh nơi đất lành để bảo đảm sự giác ngộ đó vậy! Kẻ ấy như chợt tỉnh, bái tạ ân cần hỏi về cách thức niệm Phật. Cư sĩ đáp: “Trong mỗi câu hồng danh phải đề tỉnh chánh niệm, cứ giữ tiếp tục như thế mà thôi. Bởi trăm ngàn phương tiện, cũng chỉ ở một chữ “*giác*”. Nếu cứ giữ mỗi niệm A Di Đà, tức Vô Lượng Thọ, Vô Lượng Quang, thì làm sao chẳng vào được tri kiến của Phật? Người học đạo chính vì cầu thoát ly sự sống chết luân hồi. Nếu mỗi niệm cứ giữ như thế, thì làm sao không thoát ly được?

Không bao lâu, ông lại được triệu giữ chức Chủ Khách Ty Viên Ngoại Lang. Kế đó cải tiến lên chức Tư Huân. Nhưng được một lúc cư sĩ cũng lại xin về, cùng em là Thuần Trinh ẩn dật di dưỡng tánh tình, ngao du sơn thủy. Bấy giờ ngài

Vân Thê đang giảng kinh Viên Giác ở Nam Bình. Đại Sư xướng lập Phóng Sanh Xã, quyên tiền đào Vạn Công Trì. Hàng Tăng tục vài muôn người đều nường về hiệp trợ, tiếng tụng kinh niệm Phật vang dội núi rừng. Anh em Thuần Hy có công lớn trong việc xướng suất số đông hàng danh nho thanh sĩ, tham dự pháp hội ấy. Kết cuộc công thành, đào được ba đầm Phóng sanh có bờ đê ngăn giữ và cất được nhiều nhà gác, để thả các loài chim cá.

Xong mọi việc, Thuần Hy vào ẩn trong núi Nam Bình. Thuần Trinh cũng ẩn cư nơi non Linh Thứu. Hai anh em quyết dùng khoảng đời dư thừa, chuyên niệm Phật để thành tựu sự vắng sanh không còn xuất hiện nữa.

VIÊN HOẰNG ĐẠO

Viên Hoằng Đạo, tự Trung Lang, hiệu Thạch Đầu cư sĩ, người ở huyện Công An, tỉnh Hồ Bắc. Anh là Tông Đạo, tự Bá Tu, hiệu Hương Quang cư sĩ. Em là Trung Đạo, tự Tiểu Tu, hiệu Thượng Sanh cư sĩ. Ba anh em đồng một mẹ, lúc thiếu thời đều nổi tiếng văn tài, lớn lên cùng ưa thích Thiền Tông. Trong niên hiệu Vạn Lịch đời Minh, ba anh em trước sau lần lượt đều đỗ Tiến sĩ. Bá Tu làm

quan đến chức Hữu Giá Tử. Tiểu Tu làm quan đến chức Lễ Bộ Lang Trung. Sau hai anh em đều xin về quê hưu dưỡng, sớm hôm siêng cần lễ tụng.

Riêng phần Trung Lang, tức Hoàng Đạo, sau khi thi đỗ, được bổ làm Tri Huyện ở Ngô Giang. Ông xử việc án tụng rất sáng, lệ quyết đoán. Khi rảnh việc công, lại ưa ngao du sơn thủy. Sau được thăng lên chức Lễ Bộ Chủ Sự, chẳng bao lâu cáo bệnh xin về nghỉ. Cư sĩ có lập một khu vườn ở thành Nam, trồng cả muôn cây liễu xanh tốt. Khi gió thổi qua, đứng trên lầu cao, thấy ngọn liễu uốn dợn như ngàn đợt sóng, tiếng chim oanh cùng các phi cầm đua nhau kêu hót bên trong. Ông gọi cảnh trí là Liễu Lãng Đẩu Oanh, thường cùng các văn nhân thiên khách du lãm trong đó, khi thì uống rượu ngâm thi, lúc lại luận bàn đạo lý. Ban sơ, cư sĩ học thiên với Lý Trác Ngô, tín giải thông suốt, biện tài không ngại. Sau tự nghiệm xét thấy, dù huyền luận dọc ngang, cũng chỉ là lời nói suông, không có lợi ích thiết thật, mới hồi hướng về Tĩnh Độ, sớm hôm sám hối lễ niệm, kiêm giữ gìn giới cấm. Bá Tu và Tiểu Tu cũng đồng thời phát tâm niệm Phật. Cư sĩ tuyên trong các kinh giáo, viết ra bộ Tây Phương Hiệp Luận. Trong ấy bàn tánh tướng đến chỗ viên dung, đi sâu vào pháp môn Bất Nhị. Xin lược trích vài đoạn thiết yếu như sau:

“Trong năm thứ Hành môn, thứ nhất là Tín tâm hạnh. Kinh nói: *“Niềm tin là bước đầu vào đạo, là mẹ các công đức”*. Thế nên đức tin là chánh nhân của tất cả hạnh. Cho đến khi tròn mãn quả Bồ đề, cũng chỉ hoàn thành tín căn ấy mà thôi. Như mọt mặng non khi thành cây tre cao vút, trước sau cũng chỉ là một gốc. Các Bồ Tát mới phát tâm, không vì nào chẳng nương nơi sức tin mà được thành tựu. Trong Liên Tông, lòng tin lại là cội gốc. Vậy phải tin như thế nào?

Một là tin Căn Bản Trí và Bất Động Trí của Phật A Di Đà cùng mình không khác. Như khoảng thái hư, mặt trời rọi thì sáng, mây kéo che thì tăm tối, nhưng hư không vẫn không có tánh sáng tối.

Lại nên hiểu mặt trời cùng mây chẳng ngoài thể của hư không.

Hai là tin Phật A Di Đà tu tập các hạnh trong vô số kiếp, làm những việc khó làm, nhẫn những điều khó nhẫn, ta cũng có thể làm được. Tại sao thế? Bởi từ trước trong vô số kiếp, khi ta bị chìm đắm ở ba ác đạo, chịu vô lượng sự khổ về thân tâm, khi thì mang lông đội sừng, lúc lại đọa nơi vạc dầu giương lửa. Những sự khổ vô ích như thế, ta đã từng trải qua và nhẫn chịu được; huống chi là muôn hạnh độ mình độ chúng sanh của Bồ Tát, ta há chẳng thể làm ư?

Ba là tin Phật A Di Đà có vô lượng trí huệ, thần thông, thành tựu vô lượng nguyện lực cùng mọi việc, ta cũng sẽ được. Bởi trong tự tánh phương tiện của Như Lai, có đủ những việc không thể nghĩ bàn như thế. Lại bởi ta cùng Như Lai đồng một thể tự tánh thanh tịnh vậy.

Bốn là tin Phật A Di Đà không đi không lại, ta cũng không đi không lại, cõi Cực Lạc và Ta Bà chẳng cách một đầu lông, muốn thấy liền thấy. Tại sao thế? Vì hai cõi đồng ở trong một thể chân tâm không phân biệt kia đây. Lại vì tất cả chư Phật đều lấy pháp tánh làm thân và độ vậy.

Năm là tin Phật A Di Đà tu hành trải qua vô lượng vô biên kiếp cho đến khi thành đạo, vẫn không lìa một sát na, ta cũng không lìa một sát na mà địa vị ngang hàng với chư Phật. Tại sao thế? Bởi thời gian là huyền hóa không thật, nhiếp về nghiệp hư vọng phân biệt. Trong biến pháp giới, tìm cái thật của nghiệp không thể được. Tin hiểu như thế là sơ tâm bước vào đạo, là tin hạnh Tịnh Độ của tất cả chư Phật. Thứ Ba là Lục độ hạnh. Khởi Tín Luận nói: *“Bồ Tát hiểu sâu sự tu hiện tại của mình vốn là tướng. Vì biết thể của chân tâm là tham lam bỏn sẻn, nên tùy thuận tu hành Bồ Thí Ba La Mật. Vì biết thể của chân tâm không ô nhiễm, lìa sự lỗi lầm của năm điều dục lạc, nên tùy*

thuận tu hành Trì Giới Ba La Mật. Vì biết thể của chân tâm không có tướng thân tâm, là sự biếng trễ, nên tùy thuận tu hành Tinh Tấn Ba La Mật. Vì biết thể của chân tâm yên tĩnh, không tán loạn, nên tùy thuận tu hành Thiền Định Ba La Mật. Vì biết thể của chân tâm sáng suốt, là vô minh, nên tùy thuận tu hành Bát Nhã Ba La Mật”. Người tu Tịnh Độ trong một câu niệm Phật, có đủ cả sáu môn như thế. Niệm niệm xả lìa, tức là Bồ Thí. Niệm niệm thanh tịnh tức là Trì Giới. Niệm niệm nối tiếp không gián đoạn, tức là Tinh Tấn. Niệm niệm quy nhất, tức là Thiền Định. Niệm niệm trong sáng, tức là Bát Nhã. Sáu hành môn này đều từ câu niệm Phật mà lưu xuất, chánh và trợ không hai, sự cùng lý chẳng khác. Cho nên hạnh niệm Phật gồm tất cả hạnh, vì đó là Nhất tâm pháp môn, vì ngoài tâm không có các hạnh vậy. Nếu bỏ các hạnh, tức là bỏ tâm, bỏ sự tức chẳng thành lý”.

Không bao lâu, Hoàng Đạo được triệu giữ lại chức cũ, lần thăng tiến đến ngôi Huân Ty Lang Trung. Ít lúc sau cáo bệnh xin nghỉ. Về nhà chẳng mấy ngày, liền vào thành Kinh Châu ở trợ trong chùa Tăng tu niệm, rồi không bệnh mà qua đời.

Trung Đạo tức Tiểu Tu, sau khi về hưu, sớm hôm tinh cần niệm Phật. Một đêm, nhằm ngày rằm tháng mười năm Giáp Dần, vào niên hiệu Vạn

Lịch thứ bốn mươi hai, khi khóa tụng xong, ông tĩnh tọa, cảm biết tinh thần thanh sáng. Bỗng chợt có trạng thái như vào định, thần thức vượt lên khỏi nhà, nương mây bay đi. Hai bên có hai đồng tử phò trợ, bảo: “*Hãy theo chúng tôi!*”. Rồi đưa đi về phương Tây lẹ như chim bay. Trông chung quanh, ánh trăng vẫn sáng tỏ, gương nga lơ lửng giữa trời. Nhìn xuống dưới thấy núi, đầm, ruộng nương, thành ấp, làng xóm, nhỏ như đồng đất, chén nước, chòm ong, tổ kiến. Khi sa thấp xuống một chút, nghe mùi tanh hôi từ dưới bốc lên, liền gắng sức vượt thẳng trên cao mới cảm thấy thanh nhẹ. Lần lần bay nhanh như chớp, trải qua không bao lâu, hai đồng tử bỗng hô lên bảo: “*Dừng lại!*”, rồi cùng đáp xuống đất.

Tiểu Tu nhìn quanh, thấy đường ngay như dây giăng, mặt đất bằng phẳng sáng chói trơn nhuận, chẳng phải chất cát đá. Dọc theo bên đường có đầm ao bề ngang rộng hơn mười trượng, thêm ao bằng bảo thạch có lẫn như viên chạm. Trong ao hoa sen năm sắc đua nhau tươi nở, thơm đẹp khác thường. Dài theo bờ ao có hàng cây sáng chói, các thứ chim lạ hòa nhau kêu thanh. Cách khoảng lại có cầu bằng vàng ngang qua ao làm ranh giới. Cầu lơ liên tiếp làm mé thành cầu. Sau hàng cây bên bờ kia, có lầu các xinh lạ khó sánh ví người trong

lầu tướng mạo đều thanh sáng, tươi đẹp như thiên tiên, nhìn Tiểu Tu mà mỉm cười. Hai đồng tử đi mau, cư sĩ đuổi theo không kịp, vội kêu lên rằng: *“Xin tạm dừng trên cầu đợi tôi một chút!”*. Hai đồng tử y lời, ông mới bước theo kịp, cùng tựa lan can báu của cầu tạm dừng nghỉ. Tiểu Tu vòng tay hỏi: *“Xin được hân hạnh cho biết hai vị là ai? Đây là nơi nào?”*. Một đồng tử đáp: *“Chúng tôi là thị giả của Linh Hòa tiên sinh, ngài muốn cùng ông gặp gỡ nói đôi chuyện, nên bảo đến đón tiếp”*. Cư sĩ lại hỏi: *“Tiên sinh là bậc người thế nào?”*. Đáp: *“Ngài chính là lệnh huynh, Viên Hoằng Đạo tự Trung Lang đấy. Sau khi gặp mặt ông sẽ tự biết, hiện thời chúng ta phải kíp đi đến nơi!”*. Nói xong cùng qua cầu theo đường tới một khu có hơn ngàn cội cây to, lá chất phi thúy, hoa cánh hoàng kim. Sau vùng cây có ao to rộng, qua cầu ao có cửa bằng bạch ngọc, một đồng tử đẩy cửa tiến vào trước. Đồng tử kia dẫn Tiểu Tu đi qua hơn hai mươi lớp lầu các, kim sắc chói rực rỡ, hoa linh cỏ lạ phơ phất bên thềm. Khi tới dưới tòa lầu nọ, có một vị thần thái tự Trung Lang, mặt sáng như ngọc, áo tự rắng mây, cao hơn trượng, bước đến đón rước, mừng rỡ bảo: *“Em đã tới đó ư?”* rồi dặt tay lên lầu, trên đó có bốn năm vị tướng trạng như thiên nhân, ngồi xung quanh Trung Lang nói:

“Đây là cảnh biên địa ở Tây phương. Những hành giả niệm Phật, tín giải chưa thành, giới châu chưa trọn, phần nhiều sanh về chốn này. Nơi đây cũng gọi là Giải Mạn Quốc (xứ của người tu còn bê trễ). Phương trên có lầu đài của Hóa Phật, trước lầu có ao to rộng hơn trăm do tuần, trong ao có sen báu.

Chúng sanh mười phương sanh về gởi chắt nơi hoa sen ấy, đúng kỳ hoa nở, chia nhau đi ở các lầu đài, cùng những bạn tu tịnh có duyên tụ hội nhau. Do không có: mỹ sắc, âm thanh, nên thẳng giải dễ thành, chẳng bao lâu tu tiến lên sanh vào chánh quốc ở Cực Lạc! Tiểu Tu thầm nghĩ: “Cảnh đẹp như thế, mà hãy còn là biên địa ư?”. Nhân đó hỏi: “*Anh sanh về chỗ nào?*”, Trung Lang đáp: “*Anh tịnh nguyện tuy tha thiết, song tình nhiễm chưa dứt trừ, ban sơ sanh về nơi đây ít lâu, nay thì đã được Tịnh Độ. Nhưng do thừa gặp giới huân, nên chỉ thuộc hàng địa cư, không được cùng bậc Đại Sĩ ở lầu các giữa hư không, còn phải tiến tu thêm nữa. Rất may lúc còn tại Ta Bà, nhờ trí huệ mãnh lợi, anh từng soạn bộ Tây Phương Hiệp Luận, khen ngợi công đức độ sanh không thể nghĩ bàn của Như Lai nên cảm báo được bay đi tự tại, dạo chơi các quốc độ. Chư Phật nói pháp, đều được đến nghe, đây thật là điều thù thắng!*”

Nói xong, nắm tay Tiểu Tu bay lên hư không,

phút chốc vượt ngàn muôn dặm, rồi đáp xuống một chỗ. Nơi đây không ngày đêm nhật nguyệt, ánh sáng rực rỡ chẳng bị ngăn che. Đất lưu ly trong ngoài chói suốt, trụ đây hoàng kim thất bảo giao xen ngăn chia ranh giới. Cây đều là thứ Chiên đàn, Cát tường, hàng hàng nối nhau, gốc gốc trông nhau, vài muôn ngàn lớp. Mỗi mỗi lá mọc ra các hoa đẹp màu, màu sắc dị bảo. Bên dưới cây là ao báu, vô lượng đọt sóng gợn, tự nhiên phát ra tiếng pháp màu. Đáy ao lót thuần bằng cát kim cương. Trong ao sen báu muôn màu phóng ánh sáng dị sắc. Dọc theo hàng cây bờ ao, lầu các nguy nga quanh lộn ẩn hiện, hiên thềm nhô ra, cột đỡ mái cong, cửa lớn cửa song giao chiếu, câu lớn báu doanh vây bao bọc, thủy đều đầy đủ. Xung quanh lầu các có treo vô lượng nhạc khí, tự khua động diễn các pháp âm. Những điều ghi chép trong kinh A Di Đà và Vô Lượng Thọ, so với đây mười phần chưa được một. Ngược nhìn lên, nhiều lầu các lơ lửng giữa hư không, đẹp huyền ảo giữa những vàng mây rắng. Trung Lang bảo: “*Chỗ em thấy là quang cảnh của hàng địa cư chúng sanh ở Tịnh Độ. Qua khỏi chốn này là nơi ở của chư Pháp thân Đại Sĩ, cảnh trí còn đẹp màu ngàn muôn phần gấp bội hơn đây. Thân thông của các vị ấy cũng ngàn muôn phần bội hơn. Anh nhờ huệ lực có thể đến*

đạo chơi, mà không được ở. Khởi nơi đó là chỗ cư trú của bậc Thập Địa cùng Đẳng Giác Bồ Tát, anh không thể đi đến và hiểu được. Xa hơn nữa, là cảnh giới của đấng Diệu Giác, duy Phật cùng Phật mới có thể thấy biết!”.

Nói xong, lại cùng bay đến một chỗ, điện các chói sáng khác thường, chẳng biết làm bằng chất gì. Cảm thấy hoàng kim bạch ngọc sánh với thứ báu này, dường như là sắc đất. Nơi đây không thành quách, chỉ có lan can bao bọc. Hai người cùng ngồi dưới lầu trò chuyện. Trung Lang nói: *“Anh không ngờ cảnh đẹp lại vui cùng cực như vậy! Giả sử khi ở Ta Bà, anh giữ giới luật thêm tinh nghiêm, thì sự thọ lạc chẳng phải như thế mà thôi đâu! Đại để trước nhất, thừa giới đều gấp, sanh phẩm rất cao. Thứ nữa, là giới gấp, sanh phẩm rất ổn. (Thừa gấp: tâm giải ngộ sâu sắc. Giới gấp: sự giữ giới tinh nghiêm). Nếu có thừa mà không giới, phần nhiều bị sức nghiệp lôi kéo, sanh vào hàng Bát bộ quỷ thân. Những bạn đồng tu lâm vào cảnh này, anh đã trông thấy rất nhiều. Về phần em, khi phần Bát Nhã tuy sâu, song sức giới định rất kém. Nếu giải ngộ lý mâu mà không sanh giới định, cũng thuộc về loại cuồng huệ mà thôi! Khi trở về Ta Bà, em phải nhân lúc còn mạnh khỏe mà thật ngộ thật tu, giữ Tĩnh nguyện cho tha*

thiết, siêng làm phương tiện giúp người, thương xót tất cả, chẳng bao lâu sẽ có lúc cùng hội ngộ. Nếu lơ là để lạc vào đường khác, thì thật là đáng kinh đáng sợ! Như chưa thể giữ giới hoàn toàn, hãy tuân hành theo pháp Lục trai của ngài Long Thọ cũng được. Trong các giới, sát giới rất quan yếu. Xin gởi lời nhắn nhủ bạn đồng tu: Chưa có ai mỗi ngày tay cầm dao giết, miệng tham vị ngon, mà được sanh về cõi Cực Lạc! Dù cho có tài thuyết pháp như mưa sa mây cuốn, đối với sự tinh tu nếu không thật hành, cũng là vô ích! Anh cùng em từ thuở Phật Không Vương đã nhiều đời làm huynh đệ, cho đến khi luân hồi sáu cõi cũng đều như thế! Nay may mắn anh đã được về chỗ tốt, sợ em bị lạc vào ác đạo, nên phải dùng sức thần thông phương tiện, đem đến đây khuyên bảo. Bây giờ báo nghiệp giữa hai cõi tịnh và uế khác nhau, em không thể ở lâu được!”.

Tiểu Tu vội hỏi về chỗ sanh của Bá Tu cùng các đồng bạn đã mãn phần. Trung Lang đáp: “Nơi sanh của anh Tông Đạo và các bạn đều tốt, về sau em sẽ tự rõ!”. Nói xong, liền vượt lên hư không mà bay đi. Tiểu Tu đứng lên bước chậm rãi theo bờ ao ngoạn cảnh, bỗng như trượt té xuống nước, kinh hãi giật mình tỉnh lại. Lúc ấy cả thân xuất hạn, nhìn lại ngọn đèn tàn còn trên giá, ánh trắng

sáng vẫn chiếu song, thời khắc đã sang canh tư. Liên vội lấy giấy bút ghi chép thiên “*Tịnh Quốc Du Ký*” này.

Trước kia, Tông Đạo có con trai tên Viên Đăng mới mười ba tuổi, bị bệnh uất hơi sắp mãn phần. Đứa bé nói với Hoàng Đạo rằng: “*Cháu sắp chết, chú làm sao cứu cháu?*”. Trung Lang bảo: “*Cháu chỉ chuyên niệm Phật, tất sẽ được sanh về cõi Cực Lạc. Nơi đây là cảnh ngũ trược không đủ để luyến tiếc!*”. Đứa bé liền chấp tay liên tiếp niệm Nam mô A Di Đà Phật, hàng quyển thuộc cũng đồng thanh trợ niệm. Giây phút nó cười nói: “*Cháu thấy hoa sen sắc hơi đỏ*”. Niệm thêm giây lát, lại bảo: “*Hoa đã lần lần lớn, sắc tươi sáng, đẹp không thể tả!*”. Trong khoảnh khắc, lại nói: “*Đức Phật đã đến, tướng tốt quang minh, thân cao lớn chật cả nhà!*”. Giây phút, nó thở hơi gấp. Tông Đạo bảo: “*Để người nhà trợ niệm, con chỉ xưng một chữ “Phật” sau chót cũng được*”. Viên Đăng xưng Phật vài tiếng, chấp tay mà qua đời.

VƯƠNG ĐIỀN

Cư sĩ Vương Điền, tự Vô Công, người đời Tống, quê ở Minh Châu, huyện Từ Khê. Ông rất

thông tuệ, sức học uẩn súc, nhưng thi Tiến sĩ hai lần đều không đỗ. Từ đó, tâm danh lợi như tro tàn, ăn chay mặc áo vải, nơi nào có giảng kinh đều đến tham học. Lúc lớn tuổi, cư sĩ chuyên tu Niệm Phật Tam Muội, có trứ tác quyển Tịnh Độ Tự Tính Lục, tự làm lời tựa rằng:

“Chỗ nhiệm mầu đặc biệt về pháp môn Tịnh Độ, mà đức Thế Tôn đã chỉ dạy, có thể dùng một lời để tổng quát là: *“Đưa chúng sanh từ địa vị phàm phu, vượt tất lên ngôi Bất thoái chuyển!”*. Tại sao thế? Cõi này tu hành khi chúng bậc Sơ tín của Viên giáo, hoặc ngôi Sơ quả của Tiểu thừa, thì tà kiến là tam độc mới vĩnh viễn không sanh khởi.

Đó là cảnh giới đoạn Hoặc phát ngộ (Nghiệp mê lầm tiêu dứt, phát sanh sự tỉnh sáng), thẳng vào dòng Thánh, dù chuyển kiếp cũng không mê lạc chỗ sở chứng. Địa vị này siêu khởi bốn ác thú (Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, Tu la), chẳng mất thân Trời, Người. Còn tất cả hàng phàm phu, dù là bậc Sơ tâm Bồ Tát tu đến địa vị phục Hoặc phát ngộ (Nghiệp mê lầm chìm lắng xuống Tàng thức, phát sanh sự tỉnh sáng), một phen trải qua cảnh biến chuyển phi thường của sự sống chết, liền quên mất chỗ sở chứng sở tu. Cho nên hạng người này, gặp cảnh duyên có thể bị thoái chuyển và đọa lạc tam đồ.

Riêng cõi Phạm Thánh Đồng Cư Tịnh Độ ở cõi Cực Lạc, tuy cũng đủ giai tầng của tam giới, song chỉ có hàng Nhân, Thiên. Thế nên tất cả loài hàm thức sanh về đó, đều từ hẳn bốn thú, thoát khỏi luân hồi. Lại thêm trợ duyên đầy đủ, thọ số vô cùng, nên dù là kẻ độn căn, một kiếp tu hành, đều thành Thánh quả. Thế thì làm sao lại có sự thoái chuyển được? Bản ý khuyên, khen của chư Phật, chẳng qua cũng chỉ như thế. Nếu bậc thượng căn phát tâm chuyên niệm Phật, đó là Tịnh nghiệp tối thượng, sẽ dự vào phẩm cao. Như hàng tối dốt què mùa, nếu biết chí thành niệm Phật phát nguyện, thì không ai chẳng được vãng sanh cả.

Than ôi! Xét nghĩ qua môn Tịnh Độ, thì biết Phật không bỏ sót một chúng sanh nào! Những hạng giữ cái không si mê, bắt chước hạnh vô ngại, rồi tự cao tự đại muốn ngăn dứt sự niệm Phật của kẻ khác, há chẳng đáng thương xót lắm ư?”.

Vào đầu đêm ngày Đinh Mão, tháng tư, năm Thiệu Hưng thứ mười sáu, hương lạ bỗng lan đầy nhà. Cư sĩ nhìn hàng học pháp là Sa Môn Tư Tề, bảo rằng: “*Đây là Tịnh nghiệp của lão phu chiêu cảm vậy!*”. Nói xong, tấm gội thay y phục, ngồi ngay hướng về Tây chấp tay mà vãng sanh. Khi làm lễ thiêu hóa, được xá lợi bằng hột lúa một trăm lẻ tám viên.

VƯƠNG NHẬT HƯU

Cư sĩ Vương Nhật Hữu, tự Hư Trung, người ở Lư Châu. Triều vua Cao Tôn đời Tống, ông thi đỗ quốc học tiến sĩ, nhưng khước từ quan chức, về ở ẩn nơi quê nhà mà dạy học trò. Kế đó lại xếp bỏ việc giáo huấn, ăn chay trường, mặc áo vải, chuyên tu Tịnh nghiệp. Mỗi ngày cư sĩ khóa lễ Phật một ngàn lạy rồi niệm hồng danh. Ông có trứ tác tập Long Thơ Tịnh Độ Văn, được lưu hành rộng nơi đời. Trong ấy lời lẽ giản dị, bao gồm nhiều thí dụ, khuyến hóa từ bậc vương công, quan liêu, sĩ tử, cho đến hàng thứ dân, đồ tể, nô tỳ, xướng kĩ, đều quy y niệm Phật. Cách lập luận của cư sĩ rất rõ ràng, tâm ý rất thành khẩn, khiến cho nhiều người cảm hóa tuân hành.

Năm Quý Tỵ trong niên hiệu Càn Đạo, ông Lý Ngạn Bạc ở Lư Lăng đau bệnh nguy ngập, mộng thấy một vị tự xưng là Long Thơ cư sĩ, bảo rằng: *“Khi thức dậy người nên dùng cháo trắng, sẽ được an lành. Người còn nhớ một thiện hữu là Khuyết Trọng Nhã đã khuyên về lối tu thẳng tắt chững?”*. Ngạn Bạc thưa: *“Văn bối đã tuân hành theo, mỗi ngày đều có niệm Phật!”*. Sau khi thức giấc, ông bảo nấu cháo trắng ăn, quả nhiên bệnh thuyên giảm. Ngạn Bạc liền dạy dắt con đến tìm

Vương Nhật Hưu để thọ huấn. Không bao lâu, các con trở về thưa: “*Long Thơ cư sĩ đã vãng sanh về Phật quốc. Ba hôm trước khi mãn phần, cư sĩ đi từ biệt khắp các thân hữu, khuyên họ tinh tấn tu hành, bảo mình sắp đi xa, không còn gặp nhau nữa. Tới ngày ông cho họp các môn sanh cũ lại giáo huấn, rồi khóa tụng như lệ thường. Đến canh ba, cư sĩ bỗng to tiếng niệm Phật vài câu, bảo: “Đức Phật A Di Đà đến tiếp dẫn tôi!”. Rồi đứng ngay thẳng mà hóa...*”. Lý Ngạn Bặc thấy bức chân dung của Vương Nhật Hưu do các con mượn đem về, giống tạc người mình đã gặp trong giấc mộng, sanh lòng cảm kích, liền rước thợ khắc hình tượng Long Thơ cư sĩ, lại đem việc ấy truyền bá xa gần. Từ đó hàng thiện tín ở vùng Lư Lăng đều phát tâm niệm Phật.

Trong năm Hàm Hựu, có ông Lữ Nguyên Ích khắc lại bản Long Thơ Tịnh Độ Văn. Khi khắc đến thiên Chúc Nguyện, nơi bản bỗng nổi lên ba viên xá lợi. Chú của ông là Lý Sư Thuyết có ghi chép việc ấy ở đầu thiên này.

VIÊN LIỆT TINH

Viên Liệt Tinh người ở Côn Sơn, thường ngụ nơi vùng Tây Khê tại Hàng Châu, nhân tự hiệu là

Tây Khê cư sĩ. Thuở thành đồng, ông học tập về nghiệp khoa cử, một hôm nghe bà ngoại tụng kinh Kim Cang đến đoạn “*Vô tứ tướng*”, liền có chỗ khó nhập.

Sau cư sĩ gặp Duyệt Sơn Thiền Sư, mỗi ngày tinh tấn tham cứu về đường lối hướng thượng. Vừa đầu Bạch Tung lão nhân từ Tuyết Phong đến Côn Sơn, Liệt Tinh đôi ba phen tham khấu, ngộ suốt tánh bản lai, liền được truyền tâm ấn. Từ đó đạo phong của cư sĩ mỗi ngày một thịnh, tùy cơ tiếp dẫn, huệ biện không ngại, vừa đề xướng Nhất thừa, lại kiêm hoằng Tịnh Độ. Bấy giờ ông thấy các đồng bọn, thích mến khô thiên, ưa tu tiên thuật, phần nhiều không tin Tịnh Độ, nên viết lời hiểu dụ rằng:

Pháp môn Tịnh Độ tròn thông rộng lớn, từ trước đến nay tôi đã thâm tu mật chứng, nhưng không dám vội đem nói với người. Đó là vì thời tiết chưa đến, nói ra e vô ích, chớ không phải cố ý giấu kín chỗ tu. Bởi môn Niệm Phật là pháp tạng rất sâu của chư Phật, hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật thuộc Nhị Thừa còn có những kẻ không tin. Đó là do các vị ấy đã trụ cảnh Niết Bàn thanh tịnh, đã chứng thân thông diệu dụng, nhưng chỉ thấy biết trong phạm vi một cõi đại thiên, nên không rõ biển đại trang nghiêm của Tịnh Độ hiện thành

ở khắp mười phương. Cho nên chư Phật đã quở các vị cố chấp theo cảnh giới Nhị Thừa là tà, là đọa vào hầm hố vô vi, là say men rượu tam muội! Rất đáng than thở cho người tu Thiền đời nay, còn chưa đến được cảnh giới Niết Bàn thanh tịnh của Nhị Thừa, mà vội bụng trống lòng cao, chưa đắc cho rằng đắc, chưa chứng cho là chứng. Trong lúc nọ ngồi yên tĩnh đến chỗ sáu căn chưa động, lộ bày một chút quang cảnh, liền vội cho rằng mình đã tỏ ngộ. Rồi từ đó ngênh ngênh ngang ngang, chê bai Tịnh Độ, thật đáng thương xót!

Giả sử các vị ấy quả thật đại triệt đại ngộ, đã rời được chót mũi của bà mẹ bản lai, thử hỏi có đứng ngoài được bốn cảnh Tịnh Độ từ cõi Phàm Thánh Đồng Cư đến cõi Thường Tịch Quang Tịnh Độ chăng? Nếu họ lập luận: “*Dù biết được bốn cõi ấy, cũng gác bỏ qua một bên!*”. Nói như thế, chư vị ấy há không nhớ lời của bậc tôn túc là Mật Vân Thiền Sư đã bảo: “*Các ông muốn gác bỏ qua một bên, quả thật là điều: đối trước người si lại càng không thể tỏ ra việc mộng!*”. Cổ đức nói: “*Kẻ tham Thiền đời nay lấy sự thấu suốt pháp thân làm điều tất yếu, mà không biết thấu suốt rồi lại phải làm thế nào? Giả sử sau khi thấu suốt, còn thấy có một bóng dáng chi, cũng là cái bệnh!*”. Đại khái người tham Thiền đời nay đều không thoát khỏi cảnh ma

chương sở tri nhỏ nhiệm, trở lại bác các hành giả Tịnh Độ là ngu dốt, cũng chẳng làm lạc lắm ư!

Vả chẳng khắp cõi hư không có mười pháp giới, mà Tịnh Độ của chư Phật là pháp giới bậc nhất, nên chín giới kia đều nương về. Tu Tịnh Độ ở cõi người rất dễ, còn các cõi địa ngục, ngạ quỷ do nổi khổ bức bách, hoặc không biết danh hiệu Phật, nên khó thật hành. Chư Phật thương xót hàng dùng sức oai thần phóng ánh sáng thanh tịnh đến cứu độ, nhưng các chúng sanh ấy bị sức nghiệp che chắn, nên không nhìn thấy. Phải chờ đến khi nghiệp hết tâm khai, nghe biết và niệm được một câu Phật, thì cảnh địa ngục, ngạ quỷ mới liền biến thành cảnh thanh lương được. Còn loài bàng sanh thì si mê tăm tối, hàng tu la lại sân hận lẫy lừng, cũng khó trông thấy từ quang. Riêng hàng chư Thiên do thọ hưởng sự dục lạc rất thắng diệu, nên cũng khó tu môn Niệm Phật.

Nhưng xét kỹ lại, chẳng chịu tu môn Tịnh Độ, không chi hơn hàng thiên tiên. Các vị ấy chẳng phải không biết Tịnh Độ là đẹp màu, nhưng họ đã được thần thông diệu dụng, biến hóa bay đi, cùng tự tại ẩn hiện ra vào cảnh có hoặc không. Họ có thể phóng ra các thứ ánh sáng, huyền hiện các hình tượng chư Phật, Bồ Tát cùng các cảnh vật trang nghiêm. Do đó hàng thiên tiên cho rằng

sự vui ở Tịnh Độ chẳng qua cũng chỉ như thế nên không chịu hưởng về. Họ đâu biết rằng mình bị đọa vào huyễn thức, các cảnh giới giả hiện đều do tinh khí thần hòa hợp biến thành! Đức Phật đã bảo: Hàng thiên tiên không tu theo chánh giác, chưa phải là vô vi, khi quả báo hết phải tùy nghiệp đọa vào các nẻo! Cảnh thiên chân vốn tự hiện thành, chẳng phải luyện mà được. Nếu tu luyện mà thành tức là có sanh, tất sẽ không tránh khỏi sự biến diệt. Nguyên tinh, nguyên khí chẳng ngoài nguyên thần, mà nguyên thần chính là tên riêng của nghiệp thức. Bậc đại trọng phu phải trở về tánh bản lai, dứt trừ thần thức, chém đứt mạng căn, tại sao lại tu luyện thành một thứ nguyên thần không ngoài vòng nghiệp thức? Có kẻ tuy luyện thành, đến nửa chừng năng lực suy kém, có khi chưa tới kiếp hỏa mà đã hoại trước. Dù có thể củng cố nguyên thần được bền lâu, nhưng lúc đại kiếp hỏa, chẳng những phá thể hữu hình, mà cũng đốt cháy luôn thể vô hình. Đừng tự an ủi rằng: đạo ta như hư không cũng là nghiệp thức huyễn hiện, bậc chứng được đạo nhãn vô thượng mới soi thấu. Chư thiên tiên dù có thể hóa hiện các thứ thắng cảnh, nhưng kết cuộc chẳng được mười phần sáng suốt, và mười phần chánh đại. Đâu bằng chư Phật, Bồ Tát và tất cả chánh báo y báo ở Tịnh Độ đồng ở

trong cảnh quang minh rực rỡ thấu suốt còn hơn trăm ngàn mặt trời? Những bậc tu theo Phật giáo khi đắc quả, thấy thời gian không gian đều như huyền, nên có thể hiện cõi Bảo Vương nơi một đầu lông, ngòi chuyển pháp luân ở trong điểm bụi. Cảnh giới ấy chẳng phải hàng thiên tiên có thể sánh được trong muôn một. Cho nên người tin sâu môn Tịnh Độ mà chuyên tu, tức đã vượt hơn hàng thiên tiên trăm ngàn ức lần. Nếu chưa thể dứt trừ quan niệm học tiên, chính là chưa phân biệt rõ sự chân giả lớn nhỏ giữa Phật và Tiên vậy.

Pháp môn Tịnh Độ là chỗ quy hướng của tất cả Thánh Hiền. Khi được sanh về Cực Lạc, tu phước huệ đầy đủ, rồi trở lại Ta Bà, gặp tiên độ tiên, gặp người độ người, gặp ma quỷ độ ma quỷ, cho đến gặp duyên ân oán đều có thể tế độ. Đó mới thật là năng sự của bậc đại trượng phu! Nếu các vị tin chắc môn Tịnh Độ mà quyết chí thật hành, thì hoa sen nơi ao báu ở Cực Lạc sẽ tươi nở ghi tên. Ngay trong hiện tại khi niệm Phật được thanh tịnh, thì tất cả cảnh đẹp, tiếng pháp, hương màu, vi diệu, ánh sáng, lý chân, đều tràn ngập cả mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý của các vị. Chừng ấy ngay chính bản thân của chư vị đã thành một đấng Cổ Phật rồi đấy!

Vào tháng hai, niên hiệu Khang Hy thứ năm

mười đời Thanh, cư sĩ niệm Phật rồi an lành vãng sanh ở Bảo Thọ, hưởng được sáu mươi hai tuổi.

Hàng môn nhân kết hợp những di ngôn làm thành quyển Tây Khê Cư Sĩ Tập.

VIỆT QUỐC PHU NHÂN

Việt quốc phu nhân Vương thị, nguyên là vợ của Kinh Vương. Kinh Vương lại là chú của Triết Tôn hoàng đế đời Tống. Phu nhân chuyên niệm Phật ngày đêm không gián đoạn, lại hướng dẫn các hàng tỳ thiếp đều tu Tịnh Độ cầu sanh Cực Lạc. Trong hàng tỳ thiếp ấy, có một cô thường hay biếng trễ. Phu nhân gọi lên bảo: *“Không thể vì một mình ngươi, mà phá hoại quy củ của ta!”*. Rồi liền đuổi ra khỏi đoàn thể.

Người thiếp sợ hãi ăn năn, phát tâm tinh tấn niệm Phật không nài mỗi nhọc. Một hôm, cô bạn đồng sự rằng: *“Em sắp đi xa!”*. Đêm lại mùi hương lạ bay đầy phòng, cô không bệnh chi mà qua đời. Cách vài hôm sau, cô bạn đồng sự thưa với phu nhân rằng:

“Đêm vừa rồi, con mơ thấy người thiếp mãi phần nhờ chuyển lời kính xin cảm tạ ân đức vô

lượng của phu nhân. Bởi nhờ phu nhân răn trách, mà cô đã được sanh về Cực Lạc!'. Phu nhân bảo: "Nếu nó có thể ứng mộng cho ta biết thì ta mới tin!". Đêm ấy, phu nhân nằm mộng thấy người thiếp quá cố đến tạ ân như lời đã nói, liền hỏi: "Cõi Tây phương có thể đến được chăng?". Cô đáp rằng được, rồi dẫn phu nhân bay đi. Độ giây phút, đến một bảo trì to rộng mênh mang, ánh sáng giao hòa chói suốt. Trong ao báu, hoa sen lớn nhỏ xen lẫn gồm nhiều màu sắc và quang minh, có đóa hoặc tươi màu sắc và quang minh, có đóa hoặc tươi hoặc héo. Phu nhân hỏi duyên cớ, người thiếp thưa: "Chúng sanh ở Ta Bà vừa phát tâm niệm Phật cầu về Cực Lạc, thì nơi đây liền hóa sanh một hoa sen. Nếu đương nhân mỗi ngày tinh tấn tu niệm, thì hoa càng thêm lớn và tươi đẹp. Trái lại nửa chừng lần lần biếng trễ, tất hoa sẽ héo. Như không tiếp tục tu hành, hoa liền tàn rồi ẩn mất. Còn phát tâm tinh tấn niệm Phật trở lại, thì một hoa sen khác mọc lên. Nếu công tu lâu ngày vẫn không thoái chuyển, tất tịnh quả sẽ thành thực. Khi đương nhân bỏ báo thân ở Ta Bà, thần thức sẽ nương gởi vào thai sen ấy, đợi đến khi hoa nở thấy Phật". Nhìn ra xa, trên một đài hoa có vị đầu đội mũ bảo ngọc, cổ đeo chuỗi anh lạc, phục sức và thân tướng trang nghiêm, phu nhân hỏi: "Ai đây thế?".

Người thiếp thưa: “Đó là Vô Vi cư sĩ Dương Kiệt. Vị ấy vừa mới vãng sanh về đây”. Phu nhân thấy một người khác mặc triều phục, ngồi trên đóa sen hơi kém hơn, lại hỏi thăm. Cô thiếp đáp: “Đó là cư sĩ Mã Vu, chờ khi công thành quả mãn, cũng lại sắp vãng sanh về đây”. Phu nhân hỏi: “Còn ta sẽ sanh về chỗ nào?”. Người thiếp liền dẫn bà bay đi độ vài dặm. Nơi ấy có một hoa tòa to lớn, cánh bích ngọc, đài hoàng kim, phóng ánh sáng rực rỡ. Người thiếp chỉ đóa hoa nói: “Đây là chỗ sanh của phu nhân, thuộc về kim đài thượng phẩm!”.

Khi thức dậy, phu nhân ghi nhớ rõ điềm mộng, nổi vui mừng bi cảm lẫn lộn, càng tinh tấn tu hành. Đến hơn tám mươi tuổi, nhằm ngày sinh nhật, sáng sớm bà thức dậy, hai tay bung lò trầm hương nhỏ, khói thơm bay tỏa, nghiêm kính đứng hướng về phía Quan Âm Các. Tất cả tỳ thiếp y phục chỉnh tề, sắp thành hàng bước đến đỉnh làm lễ chúc thọ. Nhưng khi nhìn xem lại, thì phu nhân đã thoát hóa.

Lời bình: Ấn Quang Pháp sư nói: “Tác dụng của thần thức và nghiệp lành dữ đều không thể nghĩ bàn! Có kẻ tạo ác, tuy còn sống ở trên dương thế, mà một phần hình thần đã thọ khổ nơi địa ngục. Lại có hành giả tu Tịnh Độ, tuy hiện đang ở cõi trược, mà một phần thần thức đã sanh về Liên bang”. Trường hợp của Mã Vu trên đây

cũng như thế.

Người nữ sinh về Cực Lạc, đều chuyển thành thân nam đủ ba mươi hai tướng tốt trang nghiêm. Nhưng cô thiếp lại hiện ra thân nữ cho đồng bạn và Kinh Vương phu nhân trông thấy cũng chỉ là phương tiện hóa hiện, để người quen dễ được nhận thức đó thôi. Điều này độc giả nên thông hiểu và đừng lấy làm nghi hoặc.

MÃ VINH TỔ

Cư sĩ Mã Vinh Tổ, tự Trữ Lương, quê ở Tú Thủy tỉnh Triết Giang. Lúc bé ông tỏ ra có văn tài, lên mười lăm tuổi được bỏ vào hàng chư sanh. Cha mẹ mất sớm, Vinh Tổ thờ kế mẫu rất hiếu cần. Đến ba mươi tuổi, ông mang bệnh lạc huyết. Trải năm năm bệnh càng thêm nặng, ăn vào liền mửa ra.

Có Tăng sĩ Tường Phong, khi chưa xuất gia là bạn quen với Vinh Tổ ghé viếng thăm. Lúc ấy vừa đi tham học trở về, túc huệ mở sáng, tín giải thông suốt. Vinh Tổ nghe lời sư luận giảng lấy làm lạ, nhân hỏi đến phương pháp trừ bệnh. Tường Phong đáp: “*Bệnh của đạo hữu là do túc nghiệp, không phải thuốc thang chữa trị được. Nếu đạo hữu có thể buông bỏ muôn duyên chuyên lòng niệm Phật,*

lâu ngày công sâu, thì vô minh nghiệp chướng từ vô lượng kiếp đến nay lần lần dirt sạch. Chừng ấy căn bệnh luân hồi sống chết còn giải thoát được, huống nữa là thân bệnh nào đáng lo gì!”. Vinh Tổ nghe nói giật mình tỉnh ngộ, bèn trường trai tu Tịnh nghiệp. Từ đó bệnh cũng lần lần thuyên giảm.

Trước thời gian ấy, Mã Vinh Tổ nằm mộng thấy giữa hư không nổi lên vô số chữ Thọ, phóng ánh sáng rực rỡ. Ông duyệt xem sách Phật thấy nói: A Di Đà dịch là Vô Lượng Thọ, cũng gọi là Vô Lượng Quang. Bây giờ nghĩ lại thấy điềm mộng ứng hợp, càng tự mừng thầm, cho là mình có túc duyên với môn Tịnh Độ. kế tiếp ông đọc qua kinh Pháp Bảo Đàn, khế hội được nguồn tâm, càng thêm nổi vui mừng cảm hối. Sau Vinh Tổ thọ Tam Quy Ngũ Giới, mỗi ngày đều tụng kinh Kim Cang, Di Đà, niệm Phật ba muôn câu, lại tu tịnh quán. Lúc rảnh rồi, cư sĩ lại mời các liên hữu tập hợp tại nhà, tổ chức niệm Phật suốt ngày đêm. Niên hiệu Càn Long thứ năm mươi sáu, vào hạ tuần tháng giêng. Vinh Tổ từ Tô Châu trở về vừa đúng một tháng thì cảm bệnh. Đến đầu tháng ba cư sĩ đau nằm nơi giường không trỗi dậy được, bảo bạn thân rằng: *“Tôi từ ba mươi lăm tuổi phát lòng Bồ đề, chỉ cầu nghiêm tịnh cõi Phật, lợi ích chúng*

sanh, sự vinh hoa của ngôi khanh tướng xem đồng như đôi dép rách. Nay thân tuy mang chứng trầm kha, song một tâm niệm an vui chưa từng biến cải. Hiện tại chỉ chuyên giữ chánh niệm, chờ khi mạng chung sanh thẳng về Tây phương mà thôi!”. Một ông bạn hỏi: “Anh mát đi rồi, trong nhà nheo nhóc vài miếng ăn, lấy ai giúp đỡ?”.

Cư sĩ đáp: *“Đó đều thuộc về duyên phước của mỗi người, sức tôi không thể kham được!”.* Tới chiều ngày mười tám, ông bảo: *“Ngày mai phải đại sám hối!”.* Sáng hôm sau, cư sĩ gắng gượng trỗi dậy mặc áo tràng lễ Phật sám hối, rồi ngồi hướng về phương Tây niệm Phật vài trăm câu, kế quỳ đọc bài văn phát nguyện của ngài Liên Trì, mới trở về giường nằm. Ba hôm nữa, lại nói: *“Tây phương Tam thánh hiện thân ở trước, vì tôi nói pháp. Tôi thường ở trong ánh sáng chói suốt rục rũ!”.* Qua ngày sau lại bảo: *“Bồ Tát dùng tịnh thủy rưới nơi thân gội rửa tấc khiên, khiến cho tôi được mát mẻ, sự an vui không thể tả!”.* Tới chiều, một liên hữu là Trầm Hồng Điều viếng thăm, hỏi có niệm Phật không, và nhắc bảo đừng nên trước tướng. Cư sĩ đáp: *“Vẫn niệm, tức tâm tức Phật có chi là trước tướng!”.* Kế đó lại tuyệt thực, mỗi ngày chỉ uống vài chén nước trà, hai hôm sau rốt duy nhất nước trong mát mà thôi. Ngày hai mươi

chín tháng ba, vào giờ Ngọ, cư sĩ bảo người nhà rằng: “Đức Phật đã đến tiếp dẫn!”. Nói xong liền tiếp niệm hồng danh, rồi nằm nghiêng bên hữu mà vãng sanh, hưởng dương được bốn mươi tám tuổi. Ông không con, di chúc cho lập hậu.

Bấy giờ Hòa Thượng Tường Phong bé quan tại Văn Tinh Các ở Tô châu, đang tu môn Niệm Phật Tam Muội. Mùa đông năm ấy, một đêm Ngài nằm mộng thấy ba vị vào thất, ngồi ở hướng nam day mặt lại. Trong đó, chính giữa một vị xuất gia, hai bên là cư sĩ, phong nghi thần thái trang nghiêm, nơi đầu đều có viên quang bao phủ. Tường Phong đánh lễ rồi hỏi: “Ba tôn đức ở đâu lại đây?”. Vị mặc tăng phục nói: “Chúng ta từ cõi Tây phương đến!”. Hòa Thượng lại hỏi: “Có phải chư vị là người ở thế giới Cực Lạc của Phật A Di Đà chăng?”. Vị Tăng đáp: “Phải!”. Tường Phong thưa hỏi danh tánh, ba vị không đáp chỉ hỏi lại: “Ngươi pháp danh là chi?”. Hòa Thượng đáp: “Đệ tử pháp danh Đạt Văn”. Vị Tăng bảo: “Sao lại vọng ngữ?”. Tường Phong thưa: “Quả đúng như thế không phải vọng!”. Vị Tăng hỏi lại như trước. Hòa Thượng cũng đáp y như vậy. Tăng sĩ cũng bảo: “Vẫn còn vọng ngữ!”. Tường Phong thưa: “Đệ tử nói thật chẳng vọng ngữ?”. Vị Tăng nói: “Tất cả chúng sanh lấy vọng làm chân, chấp

giả làm thật, nên mới bị luân hồi. Nếu bậc có trí, biết muôn pháp đều là hư vọng giả danh, thì không còn luân chuyển. Người chớ tự mê muội để lạc mất chân tâm. Nên hiểu chân tâm không tâm, chân tri không biết, có hiểu biết tức là ma. Đức Phật là đáng linh tri vô tri, người nên tin nhận chớ đem lòng nghi hoặc!”. Sau lời ấy, Tường Phong bỗng khai ngộ liền thưa: “Lời của tôn đức dạy, chính thật là pháp Phật không thể nghĩ bàn! Tôn đức từ cõi Cực Lạc đến, dám xin hỏi: đã từng thấy Phật A Di Đà chăng?”. Vị bên tả đáp: “Nếu ta nói với người, chưa chắc người đã tin. Phải tự mình trông thấy mới được!”. Kê đó cả ba đồng đứng dậy, mỗi vị đều vỗ nơi đầu Tường Phong một cái, và lần lượt nói **kệ rằng**:

Vị thứ nhất nói:

Gắng siêng năng tinh tấn
 Tu Tịnh nghiệp không như.
 Nhân sâu thì quả thật
 Dè dặt chớ nghi ngờ!

Vị thứ hai nói:

Các pháp từ tâm sanh
 Lại hoàn từ tâm diệt
 Chân tánh nguyên vẫn không

Lấy, bỏ chẳng thể được!

Vị thứ hai nói:

Ngươi đã đôi phần thông
Phật, chúng sanh tâm đồng
Như huyễn tam ma đề
Ví như cảnh trong mộng.

Thuyết kệ vừa xong, bỗng thấy Mã Vinh Tổ nghiêm chỉnh oai nghi, đánh lễ ba vị. Cả ba liền vượt lên hư không hướng về Tây bay đi. Lúc ấy không trung nổi lên âm nhạc rền vang, tiếng niệm Phật bỗng trầm thanh thoát. Vinh Tổ lại hướng về

Tường Phong lễ ba lạy rồi thưa: “*Nhờ đại đức khuyến tôi tu Tịnh nghiệp, quy y Tam bảo, nên đã hân hạnh được sanh về Tây phương, thọ sự an vui lợi ích lớn. Vì thế tôi thỉnh cầu Bồ Tát đến đây nói diệu pháp, để đền đáp thâm ân!*”. Nói xong đánh lễ giữa từ ba lạy nữa, rồi chấp tay niệm Phật bay về Tây phương. Vừa khi ấy tiếng chuông khuya nổi lên, Tường Phong giật mình thức giấc. Hòa Thượng vội lấy giấy bút ghi lại điềm ấy, gọi là Kỳ Mộng thiên.

Về sau Tường Phong Hòa Thượng ẩn tu nơi viện Phước Thành tại Lũ Giang. Khi lâm chung dự biết trước ngày giờ, ngồi niệm Phật mà thoát hóa.

Lời bình: Trước Cận Đường mượn duyên giảng đàn để khuyên đồng bạn. Nay Trữ Lương lấy việc ứng mộng mà đáp thâm ân. Như thế, ai gọi khi sanh về An Dưỡng là vắng bật không tin tức đâu! Tuy nhiên, với kẻ cơ duyên chưa thuần, thì chẳng thể nhất khái đều đồng lệ được!

NGÔ DOÃN THĂNG

Cư sĩ Ngô Doãn Thăng, tự Thường Đạo người huyện Hấp ở Huy Châu. Lúc tuổi trẻ ông thường đi lại mua bán nơi vùng Tô, Hàng. Trong cuộc du ngoạn chùa núi Hồ Khâu, một vị Tăng tình cờ gặp mặt ông nhìn kĩ đoạn bảo: *“Ngươi cũng có căn lành, song tiếc vì lúc hai mươi chín tuổi bị nạn chết đấm, biết làm sao?”*. Doãn Thăng nghe nói sợ hãi, cầu thỉnh phương pháp giải cứu. Vị Tăng trầm ngâm giây lát rồi dạy: *“Từ nay trở đi, ngươi phải giới sát phóng sanh. Mỗi ngày đều nên chí thành trì chú Đại Bi và niệm Phật, may ra có thể thoát khỏi!”*. Doãn Thăng tin nhận thật hành, lại thường đem điều này khuyên người.

Đến năm hai mươi chín tuổi, cư sĩ từ Hàng Châu nương thuyền trở lại quê nhà. Bạn đồng hành được tất cả mười bảy người. Khi thuyền trương

buồm ra đi độ vài mươi dặm, ngọn thủy triều chợt âm âm xô đến, sóng to nổi dậy thế rất nguy cấp. Doãn Thăng chợt nhớ lời vị Tăng nói khi trước, vội chấp tay niệm Phật.

Giây phút thuyền lật úp, ông và tất cả hành khách đều bị cuốn lôi theo sóng nước.

Trong cơn hoảng hốt mơ màng, bỗng nghe tiếng nói: “*Ngô Doãn Thăng khuyên người niệm Phật có công, được thoát khỏi nạn này!*”. Cư sĩ vội mở mắt nhìn xung quanh thì thân đã nằm trên bờ, bên mình có những người chài lưới đang vục tỉnh. Kiểm điểm lại: mũ, giày, hành lý, đều bị nước tuôn mất hết, duy có xâu chuỗi mười tám hạt bình nhật thường trì niệm hãy còn nắm chắc nơi tay. Còn mười sáu người kia đều bị trôi chìm không thấy tung tích. Từ đó ông càng tin công đức niệm Phật chẳng thể nghĩ bàn! Cư sĩ không trở về quê, ở lại mở ngôi quán xem tướng, mượn nhân duyên này để nói lý nhân quả, khuyên người tu niệm.

Sau cơn hoạn nạn, Doãn Thăng hành trì càng tinh tấn. Ông đốt liều hương nơi cánh tay thành bốn chữ “*Cầu sanh Tây phương*” để nêu rõ hạnh nguyện của mình. Người ở Hàng Châu theo di phong của Tổ Liên Trì, phần nhiều đều tín hướng pháp môn niệm Phật. Song những kẻ thật hành, lại là người già cả, không có hạng thiếu niên. Mỗi

tháng họ tập hợp lại chùa niệm Phật, gọi là Lão Nhi Hội. Sự tập hợp cũng không dám đi đông nhiều, vì sợ bị hiềm nghi là dị giáo mưu đồ chánh trị. Doãn Thăng khẳng khái tuyên bố với mọi người: “*Môn niệm Phật không phân biệt: nam-nữ, già-trẻ, sang-hèn. Đạo Phật là chánh giáo, được triều đình mến ưa công nhận, tại sao lại phải e sợ?*”. Lúc ấy Diên Kiểm Điền, một quan chức quyền quý, đang chủ duyệt kiểm tra về thuế muối ở Hàng Châu, cùng cư sĩ có tình cưu hảo. Nhân cơ hội, ông mở cuộc lạc quyên, trước tiên đến Diên Công được ngài góp vào hai trăm lượng vàng để làm thủ xướng. Với số tiền quyên được, cư sĩ đặt thành quỹ phương tiện thân lợi tức nhẹ mở mang hội niệm Phật tại chùa Bảo Thành ở núi Tử Dương và làm các việc từ thiện. Mỗi khi gặp ngày hội kỳ, ông vì quần chúng giảng giải Phật pháp, nói lý nhân quả. Kẻ chưa phát tâm, khuyên tinh tấn tu niệm. Cư sĩ lại mở thêm chi hội nơi chùa Tiên Lâm ở trong thành, cùng các chỗ khác để khuyến hóa. Kẻ tin tưởng niệm Phật ngày càng đông, có đến số ngàn. Mỗi khi tập hợp, tất cả đều nghiêm trang kính cẩn, không buông lung rộn ràng huyên náo. Tượng Tam Thánh cao một trượng sáu nơi điện Tây phương tại chùa Tiên Lâm, cũng do người trong hội kiến tạo. Một buổi sáng đang lúc tập hợp niệm Phật, đại chúng thấy từ

trong mũi tượng Đại Thế Chí Bồ Tát phóng ra một đạo bạch quang bay vòng quanh nơi điện đình hơn vài khắc mới tan mất.

Từ đó ở thành Hàng Châu phong thái niệm Phật thịnh hành. Các vùng xung quanh cũng được ảnh hưởng cảm hóa, trẻ-già, trai-gái, tay cầm tràng, miệng niệm Phật, là chuyện thông thường không còn xa lạ. Danh hiệu Doãn Thăng đàn bà con trẻ đều biết. Mỗi kỳ hội, các nơi thay phiên nhau thỉnh cư sĩ đến giảng. Tây Hồ có chùa Linh Phong, nguyên là di tích của Phục Hồ Thiền Sư, hư phế đã lâu. Trong niên hiệu Đạo Quang năm đầu, Doãn Thăng phát nguyện trùng hưng, tu tạo vài năm mới lạc thành. Cư sĩ mãn phần lúc sáu mươi sáu tuổi. Khi lâm chung ông giữ chánh niệm phân minh, tự nói: *“Tôi thấy vô số Bồ Tát đi kinh hành ở trước mặt!”*. Rồi ngồi ngay lặng lẽ mà hóa. Bảy giờ nhằm ngày mừng một tháng năm, niên hiệu Đạo Quang thứ chín.

Lời Bình: Lộ Khôn niệm Phật vốn cầu vãng sanh, mà kiêm thoát được bệnh khổ trong hiện tại. Doãn Thăng niệm Phật chỉ mong khỏi nạn, nhưng lại cảm điềm lành tốt lúc lâm chung. Thế thì ai bảo: *“Công đức niệm Phật duy có lợi ích sau khi mãn phần ư?”*. Xem gương trên, hai vị đều gắng

sức thật tu, tin chắc không đổi. Người đời nay đem công phu chút ít, cầu lợi ích quá phần, đến khi thấy vô hiệu, trở lại cho rằng Phật pháp không linh nghiệm, rồi bỏ hết việc tu hành, há chẳng đáng ngậm ngùi thương tiếc lắm ư!

PHẠM NGUƠN LỄ

Cư sĩ Phạm Nguơn Lễ tự Dụng Hòa, người đời Thanh, quê ở Tiền Đường. Thuở niên thiếu ông học Nho, tâm hạnh thành thật, thờ song thân rất có hiếu. Một độ, người cha đau, ông cắt thịt bấp vế sắc hòa với thuốc đem dâng, bệnh được lành. Mẹ là Du Thị ốm nặng, ông lại làm như thế một lần nữa, bệnh cũng thuyên giảm.

Không bao lâu, song thân đều quá vãng, vợ cũng kế tiếp mãn phần. Bảy giờ đang lúc tráng niên. Nguơn Lễ cảm khái cuộc thế vô thường, dẹp bỏ duyên trần, theo nhà dưỡng chân tu học đạo Tiên. Trải hơn mười năm như thế, công phu đã có đôi phần hiệu nghiệm. Sau nhân đọc sách của ngài Vân Khê, xin thọ Tam quy ngũ giới. Nguơn Lễ giữ giới hạnh rất bền chắc, những thứ phục dụng bằng: tơ tằm, lông thú, đều không dùng, bỏ hết lối tu cũ,

chuyên về Tịnh Độ. Đối với pháp quán tưởng, cư sĩ lại càng tinh mật.

Trước kia khi thân mẫu sắp lâm chung, tinh thần mờ loạn, cư sĩ khuyên chuyên lòng quán tưởng đức Quán Thế Âm, bà mẹ y lời làm theo. Vài hôm sau, bỗng nói: “*Mẹ đã được Bồ Tát tiếp dẫn đến cảnh giới lạ màu sáng đẹp!*”. Nói xong vui vẻ mà qua đời. Bởi nguyên do đó, Nguơn Lễ rất vui sự hiệu nghiệm của môn quán tưởng.

Cư sĩ tánh hiền lành, ưa phóng sanh, bố thí, giúp đỡ kẻ nghèo khổ hoạn nạn. Khi làm những việc từ thiện, ông rất siêng cần chu đáo, không nài mỗi nhọc. Gặp chư Tăng Ni, đều phát tâm tùy sức cúng dường, không bỏ sót. Vì thế đương thời nghe tới tên Nguơn Lễ, hàng Tăng tục đều biết và mến trọng.

Mùa hạ năm Đạo Quang thứ tám, cư sĩ đóng cửa nhập thất nơi Đại Động Các ở Thành Nam, định kỳ hạn trăm ngày niệm Phật. Một hôm đang khi ngồi tịnh, huyền công tu Tiên thuở trước bỗng phát hiện. Lúc ấy ông cảm thấy thanh khí của trời đất từ giữa hư không kết thành nhiều làn, liên tiếp đi vào đánh, mũi, miệng, rồi thẳng xuống đan điền, cùng với nguơn khí của mình hòa hợp.

Bấy giờ thân tâm rất an ổn nhẹ nhàng và điềm lạc không thể thí dụ. Giây phút có một đũa

anh nhi cao chừng vài tấc, từ đánh môn xuất hiện. Đứa bé ấy bay liệng xung quanh đùa giỡn trái một thời gian, rồi do đánh đầu trở vào. Từ đó về sau, mỗi khi tu đến mức cực tĩnh quên trần niệm, liền có anh nhi ra vào như trước. Ban sơ, Nguơn Lễ tâm ý rất mừng, sau đó chợt nghĩ: “*Đây có phải là một trong năm mươi thứ ám ma của kinh Lăng Nghiêm nói chẳng? Nếu ta cho là kỳ đặc, tất sẽ lạc vào bầy tà. Và lại người niệm Phật chỉ ở Tây phương, thánh cảnh không hiện, lại chuộng thứ này để làm gì?*”. Do đó thường thường giác chiếu giữ chánh niệm, anh nhi mới không còn xuất hiện. Nhờ duyên này, cư sĩ mới khế ngộ sâu lý duy tâm, sức tín nguyện hạnh càng thêm thuần chắc. Về sau ông thường bảo người rằng: “*Cảnh giới ấy là cửa ải nguy hiểm nhất thuở sanh bình. Nếu tôi không sớm giác tỉnh, tất sẽ lạc vào bầy môn. Thế nên biết, sự tu hành cần phải tinh tường dè dặt!*”.

Mùa hạ năm Đạo Quang thứ mười một, Nguơn Lễ tịnh dưỡng nơi chùa Tịch Chiếu ngoài cửa Thanh Thái. Địa phương này có bà họ Trầm, lừa cả đôi mắt. Bà có chí niệm Phật, song bị con dâu thường ngăn trở. Cư sĩ nghe biết, liền bảo: “*Việc này có thể dàn xếp ổn thỏa. Hành động của cô dâu kia là do vì gia cảnh nghèo thiếu, nếu giúp cho sự sống tất mọi việc đều yên*”. Nói đoạn ông

vào thành quyên mộ, nhờ người giúp cho Trầm bà, mỗi tháng vài đấu gạo. Bà dùng có dư, chuyển giao cho người dâu, nên cô này hoan hỷ không còn ngăn trở nữa. Ngươn Lễ lại diễn nói sự lợi ích về niệm Phật cho nghe, và dạy bảo cách sám hối phát nguyện. Mấy tháng sau, một người hàng xóm của Trầm Thị tới nói với cư sĩ: *“Bà lão niệm Phật hôm trước, nay đã vãng sanh rồi!”*. Ngươn Lễ hỏi nguyên do, người ấy thuật lại từ việc: *“Sau khi được sự giúp đỡ, bà lão siêng năng niệm Phật thế nào? Sám hối phát nguyện ra sao? Đến tháng vừa rồi, Trầm Thị biết trước ngày về Tây phương, bảo cho cô dâu hay. Tới kỳ hạn, bà tắm gội thay y phục, ngồi chấp tay niệm Phật mà vãng sanh. Trầm bà di chúc cho cô dâu nhờ chuyển lời tạ ơn Phạm Công. Hiện thời bà vừa mãn phần chưa có quan quách và đồ tẩm liệm. Cô dâu định bán đứa con gái lo sắm về việc ấy. Bây giờ phải làm thế nào?”*.

Ngươn Lễ nghe nói, liền bàn với các thiện hữu, góp chung được một số tiền, giao cho người hàng xóm đem đến giúp cô dâu. Hơn tuần sau, ông lại tới nhà hỏi thăm. Đến nơi thì người dâu, tay đang cầm tràng chuỗi, miệng lâm râm niệm Phật. Thấy cư sĩ đến, cô vui mừng đón rước kính lời tạ ơn. Vừa ngồi xong, những người hàng xóm hay

tin tề tựu, tranh nhau muốn biết mặt Phạm Công. Rồi, hết kẻ nọ tới người kia, chuyền nhau thuật lại việc của bà họ Trầm, đại khái y như ông hàng xóm đã nói hôm trước. Họ lại chỉ một cô bé nói: *“Đây là đứa trẻ đã mang ơn ngài, khỏi bị đem đi bán!”*. Ngươn Lễ hỏi, linh cửu của Trầm bà để đâu, cô dâu thưa: *“Khi mua quan quách tản liệm xong, hàng xóm đều bàn luận: Phạm Công vốn người ở trong thành, mà còn chịu từ xa làm việc thiện. Chúng ta là tình lân lý, đâu nên làm khách bàng quan! Do đó tất cả mới chung góp tiền mua đất, đem quan tài của mẹ cháu và luôn linh cửu của: chồng, cháu, đã quàn từ lâu, đồng một ngày đem đi an táng!”*. Cư sĩ nghe nói vui vẻ ra về.

Mùa đông năm ấy, Ngươn Lễ đem những công việc từ thiện của mình làm còn dở dang lo tính toán kết thúc và chuyển giao trách vụ cho một liên hữu khác. Tháng giêng năm sau, cư sĩ đến riêng từng nhà các đồng bạn, ân cần khuyên khích tu hành, dường như kẻ sắp đi xa. Người con trai của cư sĩ, có việc đến miền Tòng Giang, ông bảo: *“Con đi ra ngoài, mọi việc nên khéo xử sự. Cha nay tuổi già, thẳng có điều chi biến cố, cũng chớ nên kinh lo. Phải giữ bốn phận mình, đối với trách vụ của người giao phó!”*. Nghe nói, cậu trai tuy hiểu biết, song chỉ cho đó là lời quá lo xa, của người lớn tuổi

mà thôi.

Đến ngày hai mươi bốn tháng giêng, Nguon Lễ thức dậy sớm bảo gia nhân rằng: “*Hôm nay ta thấy trong người hơi mỏi nhọc!*”. Nói đoạn, vẫn dùng cháo sáng như thường. Ăn xong, cư sĩ đi tản bộ đến trước nhà gần bên, đứng bàng hoàng một khắc, rồi trở về ngồi ngay thẳng nơi giường niệm Phật. Con cháu trong nhà thấy hơi lạ hỏi thăm, ông khoác tay ra dấu bảo im lặng. Đến giờ Ngọ, tiếng niệm nhỏ dần rồi an ổn mà qua đời. Giờ Dậu ngày hôm sau nhập liệm, đánh đầu hầy còn nóng. Bấy giờ nhằm năm Đạo Quang thứ mười hai, cư sĩ hưởng thọ sáu mươi ba tuổi.

Lời Bình: Xem cách thức dung hòa lo kết liễu mọi việc, từ biệt bạn, dặn dò con, chẳng thể gọi là không dự biết trước kỳ lâm chung. Nhưng tại sao ông lại không nói ra minh bạch? Theo thiên ý, sự biết trước ngày giờ quý ở chỗ tự biết, để cho tâm được yên vững, không chủ đích nơi phô trương với mọi người. Huống chi nếu giờ mà bạn lành đều họp, hoặc ra có sự lợi ích trợ đạo. Thảng như quyền thuộc không nén được thể tình, vây quanh ngậm ngùi thương khóc, há chẳng phải muốn thành mà trở lại bại ư? Việc cư sĩ dung hòa không nói ra, tất cũng bởi lý do đó.

CHÂU PHU NHÂN

Châu phu nhân, người đời Thanh, nguyên là vợ của Vương Sở Thần ở huyện Sơn Âm, tỉnh Triết Giang, và mẹ của Vương Tâm Tam, một cư sĩ hữu danh thuở ấy. Năm hai mươi sáu tuổi, bà về với họ Vương. Bên chồng nhà giàu, lại rất tin Phật pháp, phu nhân cũng sùng tín ngôi Tam Bảo. Từng xuất cửa, lập chùa thờ đức Quán Âm Đại Sĩ, và cất miếu thờ thần Thiên Y. Ngoài ra, lại còn bố thí giúp đỡ kẻ nghèo bệnh, phóng sanh, tiếu giấy chửi, tóm lại tất cả việc lành đều hết sức đề xướng và thật hành. Những thiện cử trên tuy do Vương Quân nắm phần cương lĩnh, song kỳ thật nhờ phu nhân âm thầm khuyến khích và giúp đỡ rất nhiều.

Từ khi về nhà chồng, phu nhân liền ăn chay trường, mặc áo vải, ban ngày thì khâu dệt may vá, ban đêm lại lễ Phật, tụng kinh. Công việc cứ giữ điều hòa như thế, suốt cả năm không bước chân ra ngoài cửa ngõ. Phu nhân tánh trầm lặng ít nói, khi hàng thân thích đến thăm, sau ít lời hàn huyên, liền dẫn giải việc tội phước nhân quả. Lúc Vương Quân qua đời, hai trẻ hầy còn nhỏ dại, phu nhân phụng sự mẹ chồng, giáo huấn con thơ, trải đủ nỗi gian nan, hiếu từ đều trọn vẹn. Bà có hỏi con gái họ Lữ cho Tâm Tam, song chưa kịp cưới thì cô ấy

bị đau, mù cả đôi mắt. Hàng thân tộc đều khuyên bảo nên thoái hôn, nhưng phu nhân cự tuyệt không nghe theo, cưới đem về, lại dặn Tâm Tan rằng: *“Đang khi con sang làm lễ hỏi, thì vợ con đôi mắt hãy còn sáng và tươi đẹp. Nhưng trước khi cưới, nó lại bị mù lòa, đấy cũng là phần số của con. Nếu mẹ và con ché bỏ, tất sẽ làm hư hỏng và tử nhục đời một người con gái. Vậy con phải săn sóc và thương yêu vợ con, giữ trọn bốn phận làm chồng cho đến lúc nó mãn phần!”*. Chỉ riêng một điều này, đủ thấy phu nhân là một người đầy lòng từ bi và nhân hậu.

Trước kia cứ sáng sớm phu nhân đều tụng Tâm kinh, mỗi ngày có định số. Từ khi sương cư, bà chuyên tâm niệm Phật, quyết định cầu sanh về Tây phương. Vào tháng ba đầu niên hiệu Tuyên Thống, mẹ chồng mất, phu nhân lo việc tang lễ chôn cất rất chu đáo, nỗi thương cảm nhọc nhằn khiến thành đau bệnh. Bà nằm liệt nơi giường, hơn bốn mươi ngày mới mãn phần. Ba hôm trước khi lâm chung, phu nhân dặn hai con lo các hậu sự và bảo: *“Ba ngày sau vào giờ Ngọ, mẹ sẽ về Phật. Hai con nên tiến tu đức nghiệp, gắng làm người hoàn thiện, và theo gương mẹ chuyên niệm Phật, cầu sanh Tây phương!”*. Đến thời khắc đã định, bà gượng ngồi dậy nhắm mắt thâm niệm Phật, trạng

thái rất an lành. Tâm Tam hỏi có thấy chi không, phu nhân đáp: “*Hãy đốt ngọn đèn lòng treo trước cửa và đừng hỏi han làm loạn chánh niệm của ta!*”. Nói xong bà ngồi yên một lúc rồi lặng lẽ thoát hóa. Mấy giờ sau, Tâm Tam dò xem thấy hai tay phu nhân đều mềm dịu, đánh đầu rất nóng.

HẠ QUỐC XƯƠNG

Cư sĩ Hạ Quốc Xương, người thời Trung Hoa Dân Quốc, quê ở Bình Hương, tỉnh Giang Tây. Ông nội và cha đều xuất thân chốn quan trường, có tiếng là liêm khiết. Quốc Xương từng giữ chức Tri Huyện, thuyên chuyển đi vài nơi, sau thời cách mạng, lại làm Dân Chánh Trưởng ở bản tỉnh.

Mùa thu năm Dân quốc thứ hai, vì liên can vào việc thảo trừ Viên Thế Khải, mưu sự không thành, nên ông lánh nạn vào ẩn cư ở một ngôi chùa tại Nam Nhạc, tỉnh Hồ Nam. Từ đó Quốc Xương cải hiệu là Hoàn Tiều, mỗi ngày trì các chân ngôn: Lăng Nghiêm, Chuẩn Đề và niệm Phật. Mùa xuân năm dân quốc thứ tư, ông được người có thể lực tiến cử, song bị Viên Ấp Lệnh vu cáo, phải tự đến Bắc Kinh trần bạch mới được trắng án.

Bấy giờ có cư sĩ La Kiệt là bạn đồng cảnh

ngộ với Quốc Xương. Vì thế, sau cơn hoạn nạn, đôi bên thường qua lại thân thiết nhau. Cả hai đều trường trai và tập tham thiền. Một hôm trong cơn tĩnh định, Quốc Xương bỗng nghe có người gọi mình là Liêu Không Tử. Do đó ông cảm tác bài thi có hai câu như sau:

Liêu Không biết được đường lui tới Phù thế
phen này lại trải chơi!

Từ đó ông quy hướng Tịnh Độ, mỗi ngày tụng kinh Hoa Nghiêm vài quyển, lễ Phật một trăm lạy, niệm hồng danh A Di Đà hai muôn câu. Cư sĩ lại soạn các quy ước: Trì trai, Niệm Phật, Quán tâm, Giải suất, để tự răn nhắc sách tấn.

Mùa xuân năm Dân Quốc thứ tám, Quốc Xương về thăm viếng quê hương, gặp lúc trời hạn lâu, liền làm lễ đảo vò, được mưa xuống dồi dào, đồng ruộng đầy đầy nước. Kế đó ông lại lập đàn thí thực, tụng kinh cầu siêu cho tiên linh và những nạn nhân trong cuộc chiến tranh Nam, Bắc. Trong khi cúng thí, người dự hội đều thấy đức A Di Đà hiện thân giữa hư không, vô số ngạ quỷ, cô hồn, cúi đầu đánh lễ, rồi theo Phật bay về Tây phương. Sau công việc ấy, cư sĩ già từ hương lửa, bảo mình không trở lại nữa. Ông lại dặn dò người thân thuộc khi nghe tin mình mãn phần, không được sát sanh cúng tế. Về tới Bắc Kinh, cư sĩ liền cảm bệnh. Gia

nhân cùng bạn hữu muốn rước lương y điều trị, ông liền từ khước bảo rằng: *“Tâm tôi rất yên ổn, nẻo đi về đã biết rõ ràng, cần chi dùng thang thuốc!”*. Rồi ông vẫn cố gắng lễ niệm như lúc bình thời, và nói: *“Lúc này khi nhắm hay mở mắt, tôi đều thấy Phật cùng Bồ Tát hiện thân to lớn đầy khắp hư không!”*. Kế đó bệnh ông có vẻ giảm bớt. Khi hàng quyến thuộc hay tin đến viếng thăm đông đủ, cư sĩ ngồi lên ngay thẳng, từ từ nhìn mọi người đứng xung quanh qua một lượt, rồi mỉm cười chấp tay yên lặng mà thoát hóa.

Lúc cư sĩ mới phát tâm niệm Phật, nằm mơ thấy đóa hoa sen đầy khắp hư không, mỗi đóa hoa đều có người ngồi, duy một tòa còn bỏ trống. Ông hỏi duyên có thì một vị ngồi gần bên đáp rằng: *“Tòa sen này để dành chờ Liễu Không Tử!”*. Lại khi Quốc Xương trở về tới Bắc Kinh, cô con gái là Hạ Vinh nằm mơ thấy cha mình ngồi trên hoa sen bay về Tây phương. Cư sĩ tuy kẻ bạch y, song giữ giới rất mực nghiêm cẩn. Lúc sắp mãn phần, hàng đệ tử là Bành Hiền Thịnh huấn, ông bảo: *“Chúng ta ở sâu vào thời mạt pháp, túc nghiệp đều rất nặng. Muốn dứt cội rễ sống chết luân hồi, cần phải niệm Phật cầu sanh Cực Lạc. Trong pháp môn Tịnh Độ: Sự phát nguyện phải chân thật. Sám hối phải chí thiết. Giữ giới phải bền chắc. Niệm*

Phật phải chuyên cần. Giới là vô thượng Bồ đề, là gốc muôn điều lành là cội của chánh pháp, là chỗ vào của người học đạo, là thầy tốt của con. Nếu con giữ ba nghiệp cho thanh tịnh mà niệm Phật, quyết định sẽ thấy đức A Di Đà”.

Lời trên đây cho thấy sự giữ giới tu hành của ông rất nghiêm cần.

PHƯƠNG HẢI SANH

Đồng tử Phương Hải Sanh là con của cư sĩ Phương Dưỡng Thu ở Hương Cảng. Dưỡng Thu ưa làm việc phước thiện, sau tuổi trung niên lại chuyên tâm hướng về Tịnh Độ. Hải Sanh mới bảy tuổi, cùng song thân cư ngụ ở Hương Cảng, thường tập theo cha lễ Phật, trì niệm. Em có thể tụng được chú Chuẩn Đề, cùng bài kệ Pháp địa ngục trong kinh Hoa Nghiêm. Đôi khi còn nhớ lời cha dạy, đem cảnh Tịnh Độ thuật lại với người quen thân và bảo: *“Phải chuyên cần niệm Phật. Niệm hồng danh A Di Đà sẽ được sanh về thế giới Cực Lạc”.*

Tháng hai năm Dân Quốc thứ chín, vào ngày vía đức Quán Thế Âm. Hải Sanh bỗng nằm bệnh. Dưỡng Thu ngồi một bên xung hồng danh hỗ trợ, đồng tử cũng xưng niệm theo cha. Lúc nhắm mắt

hôn mê, lại tụng chú Chuẩn Đề rành rẽ không sót một chữ.

Dưỡng Thu bỗng con đến trước bàn Phật, nhắc bảo chiêm ngưỡng chân dung Tây phương Tam Thánh, Hải Sanh trông thấy tôn tượng liền cao tiếng niệm Nam Mô A Di Đà Phật hơn vài mươi câu, tiếng to vang hơn lúc còn chưa bệnh. Qua xế chiều ngày hai mươi mốt, đồng tử bỗng xuống giường lần đi từng bước. Dưỡng Thu vội chạy lại đỡ, hỏi muốn đi đâu thì đáp: “*Con lên lễ Phật!*”. Bấy giờ tiếng nói của em đã hơi khó khăn, song vẫn còn có thể đốt hương lễ Phật. Đến mười giờ đêm, bà vú, đưa em gái của Hải Sanh, đang niệm Phật cầu cho đồng tử mau khỏi bệnh, bỗng thấy tường vách đều biến mất trống không, có kim quang ẩn hiện năm sắc chiếu rọi rõ như đêm trăng sáng. Trong kim quang, một vị bồ đề Hải Sanh vượt lên khỏi nóc nhà bay về Tây phương. Bà còn đang nghi lự, chợt như tỉnh mộng, tường vách đều hiện lại như cũ. Nhũ mẫu vội chạy xuống hỏi thăm, thì Hải Sanh đã tắt thở.

Lúc em sắp mất phần thì tay chân lạnh trước, đôi mắt chăm chú nhìn song thân.

Dưỡng Thu đốc suất bảo xung hồng danh trợ niệm. Cư sĩ lại nói sự vui đẹp ở Liên bang, khuyên con đừng luyến tưởng chi khác, hãy chuyên tâm

hướng về Cực Lạc. Hải Sanh vâng lời, chí tâm niệm Phật, cho đến lúc tắt hơi. Sau khi em mãn phần, tay chân trở lại nóng ấm, sắc mặt tươi như sống. Một ngày trước khi Hải Sanh vương bệnh, bà mẹ trong cơn mơ màng, thấy tòa đại điện rất nguy nga tráng lệ, kim quang chiếu rọi rực rỡ, khoảng chiều sâu chính giữa có đóa hoa sen lớn đẹp, một vị Phật thân sắc vàng ngồi nơi trên. Từ xa trông vào chỉ thấy đôi chân Như Lai ngồi kiết già. Hải Sanh kiếp trước đã trồng căn lành sâu, nên mới lên bảy tuổi liền biết niệm Phật. Em lại được cha hiền hỗ trợ, khi lâm chung điềm lành ứng hiện, chánh niệm rõ ràng.

Đồng thời lại có Đàm Lạc Kiều, người quận Nam Hải, làm khách sanh nhai ở Hương Cảng. Tánh ông rất chân thật, tin sâu lý nhân quả, cùng với Dưỡng Thu có quen biết nhau. Dưỡng Thu có trao cho quyển Tây Quy Trục Chỉ, khuyến tấn về sự niệm Phật vãng sanh. Lạc Kiều liền tin nhận thật hành, ngày đêm không biếng trễ. Ít lâu sau ông mang bệnh, tự biết mình khó qua khỏi, liền thu xếp công việc trở lại quê hương. Dọc đường ông vẫn cố gắng chuyên tâm niệm Phật, về tới nhà bệnh khổ như tan mất, ông bảo vợ rằng: *“Tôi sắp vãng sanh Tịnh Độ, bà chẳng cần rước lương y, nên giúp tôi xưng niệm Phật!”*. Bà vợ trước nay

vẫn tin Tam Bảo, liền làm theo lời khuyên dạy. Đến lúc sắp từ trần, Lạc Kiều còn có thể xuống giường bước đi, bảo vợ đem y phục mới sạch cho mình thay đổi. Xong mọi việc, ông ngồi niệm Phật mà qua đời, dung mạo rất an lành tươi tỉnh.

DƯƠNG LIÊN HÀNG

Cư sĩ Dương Liên Hàng, người thời Trung Hoa Dân Quốc, quê ở huyện Dư Diêu, tỉnh Triết Giang. Ông nhà nghèo, từ nhỏ theo nghề buôn bán, tánh lịch thiệp, quán xuyến hơn người.

Năm Dân Quốc thứ mười một, Liên Hàng được biết người bạn cùng xóm là Đồng Giác Hàng tu Tịnh nghiệp, trong lòng ưa thích, hằng qua lại, để nghe lời chỉ giáo. Sau đó ông thọ quy giới, làm hàng Phật tử, tu tại gia. Phần văn học tuy cư sĩ còn yếu kém, song về nghĩa lý kinh Phật, sự giải ngộ lại hơn người. Tháng chín năm Quý Hợi, các bạn ở liên xã ước hẹn cùng nhau thệ nguyện, phát lòng Bồ đề. Liên Hàng cũng có dự trong cuộc lễ ấy.

Cuối mùa xuân năm Giáp Tý, vì đau bệnh, cư sĩ lén phá giới, sát sanh ăn mặn, nhân đó lần lần xa cách với các liên hữu, đến tháng bảy, bệnh ông càng thêm nặng, bạn đồng tu đến thăm, ai cũng

bảo rằng, tất sẽ chết. Liên Hàng cũng xét biết mình khó sống, tự cảnh giác ăn năn việc đã làm. Đầu tháng tám, ông gượng đau đến trước bàn Phật, hết lòng phát lồ, chí thành sám hối, nguyện giữ lại năm giới, thề không tái phạm. Từ đó cư sĩ buông bỏ muôn duyên, dứt trừ ái dục, một lòng thâm niệm hồng danh Phật, chờ đến lúc mạng chung. Các liên hữu biết công phu trì niệm của cư sĩ còn cạn, nên trước khi ông lâm chung sáu ngày, thỉnh người đến trợ niệm. Mấy hôm rớt sau, những bạn đồng tu cũng tự mình đến niệm Phật giúp duyên. Cuộc trợ niệm khởi đầu từ ngày mười hai tháng tám. Qua ngày rằm, Liên Hàng bỗng tự cảm biết thần khí thanh nhẹ tươi tỉnh. Đến ngày mười bảy, cư sĩ bảo trong giấc mơ, thấy một vàng ánh sáng như năm sáu ngọn đèn điện chói lòa. Vào chiều tối, xem thần sắc của ông vẫn như thường, các liên hữu cho là chưa đến giờ, tiếp tục niệm Phật tới sang canh hai, rồi sắp sửa muốn ra về. Các vị ấy không ngờ rằng, lúc đó sự trợ niệm đã đến hồi tinh thuần đắc lực.

Bấy giờ Liên Hàng nghe tiếng niệm Phật bỗng nhiên ngưng bật, liền nói: *“Tôi hãy còn chưa đến Tây phương, mong nhờ chư liên hữu trợ niệm cho suốt đêm nay!”*. Nghe lời nói có vẻ khác lạ, các đồng bạn lại cao tiếng niệm Phật. Không đây

nửa giờ sau, cư sĩ bỗng cười bảo: *“Tôi đã đến Tây phương. Ôi! Ao thất bảo to rộng quá! Kìa! Hoa sen thật là màu đẹp! Ánh quang minh cũng sáng đẹp vô cùng!”*. Rồi ông lại dặn đại chúng cao tiếng trợ niệm đừng dừng nghỉ. Từ trước, Liên Hàng vẫn lặng lẽ nằm yên. Đến lúc bấy giờ, tay và đầu ông đều hoạt động, miệng liên tiếp nói to: *“Ôi! Hoa sen thật tươi lạ nhiệm màu! Ao báu thật sáng đẹp!”*. Lúc ấy mặt của cư sĩ tươi cười hơn hở, trông như người bất chợt, có việc vui mừng vượt quá hy vọng. Như thế qua một giờ sau ông trở lại yên không nói, tay chân cũng không động, chỉ nằm ngửa mắt chăm chú nhìn tượng Phật trước giường. Kế tiếp đôi tròng lần lần lờ lạc, hơi thở cũng lần yếu mòn. Đến năm giờ sáng ngày mười tám, cư sĩ mới tắt hơi.

Đêm ấy liên hữu chỉ có bốn người, mà vừa thay phiên nhau lớn tiếng trợ niệm suốt đêm, vừa thỉnh thoảng lại xen đôi lời sách tấn. Như thế cứ tiếp tục niệm, cho đến sau khi cư sĩ tắt hơi một giờ rưỡi, mới đổi phiên cho những vị khác vừa đến. Sự trợ niệm vẫn tiếp tục cho tới lúc, thân thể kẻ mãn phần lạnh hẳn, người nhà đều bị ngăn không được khóc thương. Đến mười giờ trưa, một liên hữu thăm dò thử, thì các nơi khác đều lạnh, duy đỉnh đầu còn nóng như nước sôi.

Như Liên Hàng cư sĩ, giới phẩm không tròn, công hạnh tu trì lại còn non kém. Nhưng ông được vãng sanh, xét ra toàn nhờ sức trợ niệm của các bạn đồng tu. Xem đây, ta thấy sự trợ niệm Phật, rất thiết yếu cho hành giả lúc lâm chung. Bấy giờ nhằm ngày mười tám tháng bảy năm Dân quốc thứ mười ba, cư sĩ mới được ba mươi tuổi.

BẢN PHỤ

Bản Phụ, huyện Từ Khê tỉnh Triết Giang có một bản phụ, chưa được rõ tên họ. Nhà bà quá nghèo, con trai lại bất hiếu, nên thường bị nó: la rầy, mắng chửi.

Một hôm, sau khi bị con thét mắng, bà khổ sở khó nhẫn nại, sang tỏ bày than khóc với vị Tăng ở chùa gần bên. Vị Tăng bảo: “*Bà đã biết khổ, sao không bán nó đi!*”. Bản phụ đáp: “*Ai mua sự khổ, làm sao mà bán!*”. Tăng sĩ nói: “*Nếu bà, chí thành chuyên niệm hồng danh đức A Di Đà, cầu sanh Tây phương, thì khi mãn phần chắc chắn được Phật tiếp dẫn về cõi Cực Lạc. Từ đó sẽ vĩnh lìa khỏi các nỗi khổ, thuận hưởng những điều vui. Đó gọi là cách bán khổ!*”. Bà thưa: “*Mẹ con tôi cùng ở chung một gian chòi lá, góc nhà là bếp nấu ăn,*

dưới giường còn làm chuông lợn. Cảnh hỗn tạp như vậy, làm sao niệm Phật?”. Vị Tăng đáp: “Không ngại chi, đức Như Lai đại từ đại bi, tùy duyên phổ độ, chỉ dụng tâm thành chớ không nệ hình thức. Vậy lúc rảnh, bà hãy tới chùa lễ bái, còn khi ở nhà chỉ thường chuyên niệm Phật cầu nguyện vãng sanh cũng được”. Bà phụ vâng theo lời dạy, vì lòng tha thiết mong thoát khổ nên niệm Phật không xen hở.

Ba năm sau, vài tháng trước khi qua đời, bà bảo con rằng: “Đến ngày tháng ấy, mẹ sẽ sanh về Tây phương. Vậy con chớ nên đi vắng, phải ở nhà lo hậu sự cho tròn tình mẫu tử!”. Đứa con tỏ vẻ không tin, bà liệu biết, nên sau lại dặn dò đôi ba phen nữa. Vài hôm trước khi bà phụ mãn phần, đứa con bỗng nghe mùi hương lạ, tỏa thơm bát ngát. Chạy tìm xem khắp xung quanh, chẳng thấy ai đốt hương, nó ngạc nhiên không biết mùi thơm từ đâu đến. Bỗng nhớ tới lời mẹ dặn, đứa con nghĩ biết đâu là sự thật, bèn ở nhà chờ. Đến ngày kỳ hạn, nó thấy mẹ nấu nước tắm gội, thay y phục sạch sẽ. Xong xuôi bà ngồi nơi giường, xây mặt về phương Tây niệm Phật một lúc rồi tắt hơi. Lúc ấy nhằm vào khoảng năm Dân Quốc thứ mười.

Phụ ký: Lúc ở chùa núi Phật Đảnh, chính tôi nghe ngài Định Tây Pháp sư thuật lại chuyện này.

Tiệc vì khi ấy bận việc, nên chưa kịp hỏi rõ tên họ và ngày tháng vãng sanh của đương sự. Tăng sĩ Đức Sum ghi.

Lời bình: Than ôi! Biển trần lênh láng, ngát cao, sóng nghiệp dập dồn. Cõi tạm mong manh, chìm nổi kiếp người khổ lụy! Xét như bàn phụ, tánh linh đã sẵn, bởi mê nên lạc bước luân hồi. Vực khổ thăm sâu, duyên phước, bỗng gặp môn huyền diệu. Niềm bi cảm ba năm tinh tấn, ngày lâm chung ngát tỏa hương thơm. Hướng Tây phương một dạ khấn thành, rời huyễn chất bước lên lầu ngọc. Thế mới biết Di Đà nguyện lớn, thuyền độ sanh chẳng bó một ai. Lại rõ thêm Tịnh Độ pháp màu, sen trắng phẩm hiện đời tất được. Ao vàng hoa sẵn đẹp, còn đợi kẻ quyết tâm.

TIỂU VƯƠNG

Tiểu Vương nguyên là gia nô của cư sĩ Tôn Hậu Tại, quê quán tỉnh Hồ Bắc. Vì y vốn họ Vương, lại thuộc thân phận thấp nhỏ của một đứa ở, nên mọi người đều gọi là Tiểu Vương. Tôn cư sĩ gia thế thờ Phật, sau dời về cư ngụ ở Thượng Hải. Tiểu Vương cũng đi theo chủ.

Giúp việc lâu năm nơi nhà Tôn Hậu Tại, được

ảnh hưởng về sự tu hành, Tiểu Vương cũng lần lần thấm nhuần, rồi phát tâm niệm Phật. Y vốn có tật cà lăm, nói năng chậm chạp, khó khăn, nên ban sơ niệm Phật không thành câu. Song với tâm chí thành, y vẫn cố gắng trì tụng. Như thế được mấy năm, một đêm Tiểu Vương mộng, thấy có người nắm lưỡi của mình kéo ra thật mạnh, tâm sáng sót cảm giác rất đau. Khi tỉnh giấc, tật cũ dứt trừ, nói năng lanh lẹ thông suốt, câu niệm Phật cũng rõ ràng rành rẽ. Do đó lòng tin nguyện của y rất sâu thiết, sự trì niệm càng chuyên cần. Tiếp tục tu hơn hai năm, thì không thấy Tiểu Vương niệm Phật nữa. Có người hỏi duyên cớ, y đáp: *“Tôi niệm Phật đã thành một khối, nay không niệm mà vẫn tự niệm, nên không cần phát ra tiếng, chỉ khởi ý giữ cho câu hồng danh thâm liên tục chẳng đứt đoạn mà thôi”*. Mọi người nghe nói cũng không mấy lưu tâm, để cho y tùy tiện. Tình trạng mặc niệm như thế, lại tiếp tục thêm năm độ xuân thu nữa.

Một hôm Tiểu Vương gọi đứa con trai mười lăm tuổi, đang ngụ cư ở học đường về nhà bảo: *“Hôm nay cha sắp đi, con nên giúp sức niệm Phật để tiễn đưa một lần cuối!”*. Mọi người thấy y vẫn bình thường, chẳng tỏ ra chút chi đau yếu, đều không tin, chỉ nhìn nhau mỉm cười. Tiểu Vương biết ý, bảo: *“Tôi nói thật đấy, chẳng phải là lời*

đưa cọt bông lông dậu!”. Có kẻ hỏi: “*Chú nói đi, mà đi về nơi nào?*”. Đáp: “*Về nhà!*”. Lại gạn hỏi: “*Nhà nào, ở đâu?*”. Đáp: “*Quê nhà cũ, tức là thế giới Cực Lạc ở Tây phương!*”. Trong ấy có một vị sanh lòng tin bảo: “*Con của chú hãy còn nhỏ dại, nên lưu lại thêm ít năm nữa để chiếu cố, nó mới có thể thành lập được!*”. Tiểu Vương nói: “*Thời tiết đã đến, tôi không thể lưu trụ, thôi mọi việc đều phó cho nhân duyên!*”. Nói xong, bảo con đồng thanh niệm Phật với mình. Mọi người đều đứng yên, lặng lẽ nhìn xem sự thể diễn tiến ra sao? Lúc ấy Tiểu Vương ngồi ngay thẳng trên giường niệm Phật. Kế đó bỗng hắt hơi hai tiếng, hiện tướng ngọc trợ hạ thùy, rồi nhắm mắt đi thẳng. (Tức là hai dòng nước mũi trắng đặc thòng xuống, một biểu tượng của bậc xả thân thăng hóa).

Hôm sau vào buổi chiều tối, cư sĩ Tôn Hậu Tại cho đem di hài làm lễ thiêu hóa nơi chùa Lưu Vân. Lúc cử hỏa, đồng củi liền bùng cháy, khói trắng xông thẳng lên hư không. Trên ngọn lửa hiện ra một đóa sen to lớn sáng rỡ chập chờn, càng lúc càng đẹp rõ, cho đến khi lửa tắt. Sáng ra kiểm lại, trên tro xương cũng hiện nét tướng hoa sen rành rạnh in như vẽ. Bảy giờ nhằm năm Dân Quốc thứ mười sáu.

TÀO VÂN TÔN

Cư sĩ Tào Vân Tôn pháp danh Liu Nghĩa, người ở huyện Cửu Giang, tỉnh Giang Tây. Ông nhà nghèo, sanh nhai bằng nghề buôn bán, tánh hiếu thuận, ưa bố thí làm lành. Vì thuở bé mồ côi bị thất học, nên lúc gia tư đã hơi khá, ông xuất tiền xây cất trường học, rước thầy dạy dỗ để giúp trẻ em trong vùng.

Thân mẫu ông là Đàm Thị tin Phật, từng phát nguyện triều lễ chùa núi Phổ Đà và Cửu Hoa, song chưa kịp đi mà đã tạ thế. Vì muốn làm tròn tâm nguyện của mẹ, nên vào tháng hai năm Quý Mão, thời Quang Chũ nhà Thanh, Vân Tôn sắm cúng phẩm đi triều lễ thánh tích núi Cửu Hoa. Xong việc đó, kế tiếp lại triều lễ non Phổ Đà. Khi đổ thuyền lên bộ, đến rừng Tử Trúc Lâm, ông thấy mẫu thân ngồi nghiêm nhiên nơi trong, liền mừng rỡ kêu gọi chạy vội đến, bỗng hình tượng chợt tan biến, Ông bị cảm đứng thương khóc. Một vị Tăng ở trong chùa, thấy thế làm lạ bước ra thăm hỏi. Sau khi biết được nguyên do, Tăng sĩ bảo: “Đó là đức Quán Thế Âm Bồ Tát hóa thân để an ủi lòng hiếu cảm của ông. Thế thì việc hoàn nguyện thay cho mẹ của ông, đã được ngài chứng giám!”. Sau khi lễ điện Lạc Già xong xuống thuyền trở về,

Vân Tôn thấy trên mặt biển nổi hiện đóa hoa sen ngàn cánh. Trên hoa có đức Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát ngồi kiết già, tướng tốt trang nghiêm kỳ diệu. Mục kích cảnh tượng, ông mừng thương lẫn lộn, sanh lòng tin rất thiết sâu.

Về sau, khi được gần gũi Ấn Quang Pháp sư, Vân Tôn mới biết pháp môn Niệm Phật. Ông từng đến chùa Lô Sơn ở huyện Cửu Giang, cùng các chùa khác tổ chức những kỳ Phật thất và đề xướng pháp môn Tịnh Độ. Mùa hạ năm Quý Sửu ông xả cúng nhà ở, sửa sang lại thành ngôi Niệm Phật Lâm. Đến mùa hạ, năm Kỷ Ty, lại kết lập hội Đông Lâm Liên Xã, lấy nơi đây làm trụ sở. Vân Tôn cùng với vị sư trụ trì, ký vào quy ước đem trú xứ này cúng dường cho mười phương Tăng, mở đón tiếp chúng các nơi, tự ông đảm nhiệm chịu phần kinh phí. Qua cuối đông, lại trừ định cất ngôi điện các thờ thánh tượng đức Văn Thù. Khi vật liệu xây cất như: ngói, gạch, gỗ, đá, vừa đầy đủ, tượng cũng đã thỉnh về, thì ông lâm bệnh.

Sang xuân Canh Ngọ, vào ngày mười chín tháng hai, nhằm lễ vía đức Quán Thế Âm, Vân Tôn mời các vị cư sĩ tập họp lại và nói: “*Văn Thù Bồ Tát đã hứa ba hôm sau sẽ đến rước tôi về cõi Cực Lạc, xin mời chư vị đúng kỳ hạn đến trợ niệm để đưa nhau lần cuối cùng!*”. Các cư sĩ nghe nói

lấy làm kinh lạ. Trước khi lâm chung, ông gọi con trai lớn là Thiên Chương, nấu nước cho mình tắm gội và thay y phục mới sạch. Xong mọi việc, ông lại phú chúc bảo: *“Thời kỳ vãng sanh của cha đã đến, không thể lưu lại được. Mọi sự kiện nơi Đông Lâm Liên Xã, cùng việc kiến tạo điện các đức Văn Thù, con phải nối chí duy trì và hoàn thành chớ nên trễ sót!”*. Nói xong ngõ lời già biệt các liên hữu, ngồi kiết già ngay ngắn và cầm chuỗi niệm Phật giây lát, rồi mãn phần giữa tiếng xung niệm hồng danh của đại chúng.

Bảy giờ nhằm tiết Xuân Phân năm Dân Quốc thứ mười chín (1930). Ông thọ được sáu mươi ba tuổi.

DIỆP CỬU THÀNH

Cư sĩ Diệp Cửu Thành pháp danh Huệ Cơ, người huyện Du Dao, tỉnh Triết Giang, ông từng theo cha đi đó đây tập nghề buôn bán từ thuở nhỏ. Sau khi thân phụ từ trần, Cửu Thành thu dọn công việc trở về quê nhà an dưỡng. Trong sự giao tế, ông được tiếng khen là người tinh tường sáng lẽ.

Trên bước đường học Phật, trước tiên Cửu Thành được cư sĩ Hà Mai Sơn trao tặng cho quyển Sơ Cơ Tịnh Chỉ Nam. Sau khi xem xong, ông phát

lòng tin, gia nhập vào Phật học hội ở Dur Dao. Lâu ngày được Hà cư sĩ và các bạn đồng tu nhắc nhở, lòng tín nguyện của ông càng thêm bền chắc. Thời bấy giờ, hàng phụ nữ địa phương này còn tập quán mê tín, nghĩ rằng: niệm một câu Phật sẽ được phước báu một đồng tiền. Cử Thành cùng cháu là cư sĩ Chiêu Không thường giảng diễn hết sức giải thích điều sai lầm ấy. Do đó, nữ chúng ở Dur Dao mới biết sự lợi ích niệm Phật được sanh về Tây phương, nên tu Tịnh Độ mỗi ngày càng thêm đông. Kế tiếp, nhân các cư sĩ thỉnh Tịnh Quyền Pháp sư đến Phật học hội giảng về kinh điển Đại Thừa, Cử Thành hiểu biết càng sâu rộng thêm, tin chắc cõi Tây phương quả thật có, cảnh ngũ trược dễ chìm mê, lòng ưa chán lại thâm thiết hơn. Mỗi buổi sáng ông đều thức dậy sớm trì niệm, sự tu tập hàng ngày đều có định khóa. Đối với việc giới sát phóng sanh, ông tuân hành rất cẩn mật.

Mùa hạ năm Đinh Mão thời Dân Quốc, Cử Thành mới chánh thức thọ Tam quy với Bảo Tịnh pháp sư. Đến năm Canh Ngọ, nhằm ngày vía Địa Tạng lại thọ thêm Ngũ giới. Sang tháng chín ông bị bệnh hạ ly, thuốc thang điều trị không công hiệu, liền quyết ý gác bỏ muôn duyên, ở riêng trong một gian tịnh thất chuyên tâm tinh tấn niệm Phật. Đêm mười chín tháng ấy, trong khi tịnh niệm, Cử

Thành bỗng thấy cảnh giới Cực Lạc màu đẹp trang nghiêm, hiện ra tỏ rõ. Giây lâu thẳng tướng mới ần, song ánh sáng vẫn còn rạng rỡ trước mắt. Cách vài đêm sau lại trông thấy nữa. Lúc đó bệnh trở nặng, ông tự biết mình không qua khỏi. Các liên hữu cùng Chiêu Không cư sĩ đến Tây Hồ viếng thăm, an ủi sách tấn. Cử Thành nói: *“Mỗi ngày, tôi đều cầu Quán Thế Âm Bồ Tát gia bị, cho nghiệp chướng mau tiêu trừ, tịnh duyên sớm thành tựu!”*. Vài hôm sau, ông gọi hai con trai lại dặn dò hậu sự, dạy thỉnh các bạn đồng tu mỗi ngày đến trợ niệm. Lại bảo vợ rằng: *“Từ giờ phút này, tôi chỉ để tâm cầu Phật tiếp dẫn. Khi tôi sắp mãn phần, đừng cho: dâu, con lại gần, vì e chướng ngại đến sự vắng sanh!”*. Đêm trước khi lâm chung, hai cư sĩ Hà và Lý, hướng dẫn đoàn liên hữu trợ niệm. Cử Thành vẫn theo đại chúng thâm trì danh niệm Phật. Bảy giờ sáng hôm sau, Hà cư sĩ thấy sắc mặt ông hơi đổi khác, liền cảnh giác rằng: *“Thời khắc này rất khẩn yếu, phải nên gắng sức!”*. Đại chúng đều đứng vây quanh, to tiếng niệm Phật, Cử Thành khẽ động môi thâm niệm theo. Độ mười lăm phút sau, thấy môi miệng chẳng còn máy động, một liên hữu khẽ dò thăm, thì ông đã tắt hơi. Bảy giờ nhằm ngày hai mươi một tháng mười một, năm Dân Quốc thứ mười chín. Ông hưởng dương được

năm mươi lăm tuổi.

Lời bình: Kinh nói: “Đức A Di Đà thường phóng ánh sáng đến khắp mười phương nhiếp lấy những chúng sanh niệm Phật!”. Cho nên nếu kẻ nào chí tâm thanh tịnh niệm hồng danh A Di Đà, do duyên cơ cảm sẽ thấy ánh sáng đó, và cũng nương theo quang minh ấy mà được thấy Phật hoặc cõi Tịnh Độ. Sự mục kích ánh sáng và cảnh Tây phương của Diệt Cử Thành, chứng tỏ cõi Cực Lạc có thật, không phải là lời thí dụ, hoặc cõi phương tiện giả lập để khuyến dẫn người tu.

TRẦN TÁNH LƯƠNG

Trần Tánh Lương tự Tích Châu, quê ở huyện Vô Vi, tỉnh An Huy. Ông là người thuộc giới thương chánh, tuổi trung niên mới sanh được một đứa con trai đặt tên là Thiện Thọ, bẩm sinh tánh khá thông minh, nhưng chẳng may lại yếu số vào lúc mười bốn tuổi. Tánh Lương tự nghĩ mình xưa nay giữ lòng nhân hậu, thường làm điều phước đức, tại sao lại tuyệt tự, nên đối với việc “*nhân quả báo ứng*” hoàn toàn không tin. Bà bạn kế phối là Hồ phu nhân, tánh hiền lành, rất tin Phật pháp, biết mỗi

chấp của chồng không thể giải thích, chỉ gắng sức âm thầm tu trì, niệm thánh hiệu Quán Thế Âm để cầu tự. Không bao lâu cô có thai, nhưng lúc sắp sanh bỗng vương nạn. Trong vòng hai mươi chín ngày, cô không thể ăn uống nói năng hoặc day trở, mình nóng hực như lửa, thân gầy tọ củi khô. Các hàng danh y Trung, Tây đều bó tay, tuyệt không còn hy vọng cứu sống.

Một đêm Hồ Thị nằm mơ thấy bà lão cầm cành hoa sen cọng dài, phát từ đầu đến chân bảo: *“Do túc nghiệp người mới vương trọng bệnh, song cũng may nhờ biết tu niệm chí thành. Nay ta quét trừ nghiệp chướng và cho người một đứa con tốt!”*. Lúc đó cô cảm thấy thân tâm mát mẻ, kinh lạ vui mừng chợt tỉnh, thì bệnh dường như tan biến đâu mất, xuống giường đi lại như thường. Sáng ra liền sanh được một đứa con trai nặng cân khỏe mạnh, tướng mạo phương phi tốt đẹp.

Sự kiện khác thường này làm cho Tánh Lương rất kinh ngạc! Nhưng sau khi hỏi han và nghe vợ thuật lại mọi chi tiết, ông mới tin: *“sự lý nhân quả trong ba đời”* đều chân thật, không phải hư vô. Nơi thâm tâm, ông rất cảm ơn đức từ bi rộng lớn của chư Phật, Bồ Tát. Từ đó vợ chồng cùng trường trai niệm Phật, quyết ý tu trì, cứu giúp người nghèo khổ hoạn nạn, cất chùa trai Tăng, tất cả việc lành

đều gắng hết sức tu hành. Biết việc Hồ Thị dứt bệnh sanh con, chính do đức Quán Thế Âm cứu độ, nên Tánh Lương thường đến chùa núi Phổ Đà triều lễ Đại Sĩ. Vợ chồng đều quy y với Ấn Quang Pháp sư, Trần Tánh Lương pháp danh là Liễu Viên, và vợ Hồ Thị pháp danh là Liễu Thường. Khoảng Dân Quốc năm đầu, các chùa nơi núi Phổ Đà đều khiếm lương thực, và toàn vùng bị chánh phủ trưng dụng, cho kiều dân người Đức ở. Tánh Lương bôn tẩu, nhờ các bạn trong hàng quan liêu giúp đỡ can thiệp, nên kết cuộc nạn khỏi tai qua. Cư sĩ lại tự xuất của, trùng tu tháp Đa Bảo và làm các Phật sự xây cất lại bản sơn để báo ân Tam Bảo.

Niên hiệu Dân Quốc thứ chín, vợ chồng và con cái năm người cùng thọ giới Bồ Tát, nơi chùa Pháp Nguyên tại Bắc Kinh. Ba năm sau, Liễu Thường bỗng lâm bệnh. Vào ngày hai mươi tám tháng hai, đúng đang niệm Phật, cô bỗng thấy hai vị đồng tử cầm tràng phan có bốn chữ: “*Tây Phương Tiếp Dẫn*”. Biết là điềm sắp vãng sanh, có nhờ chồng mình thỉnh bốn vị Tăng đến nhà giúp sám hối niệm Phật. Tới ngày hai mươi tám tháng sau, bệnh được an lành. Nhưng sang thượng tuần tháng tư, Liễu Thường lại thấy trong người không khỏe, tự biết quy kỳ sắp đến, liền một lòng niệm Phật cầu sớm vãng sanh. Vào bữa mừng năm, Tánh Lương thỉnh

chư Tăng đến nhà, bảo người trong gia đình quyền thuộc hợp cùng đại chúng, luân phiên trợ niệm cho ngày đêm tiếng Phật không dứt. Liễu Thường cũng thâm trì niệm theo. Sáng ngày mùng sáu cô bảo người nhà nấu nước cho mình tắm gội thay y phục. Đoạn cố gắng đến trước bàn Phật niệm hương lễ bái, rồi nhờ xây giường để mình nằm nghiêng bên hữu, quay mặt về hướng Tây. Khi nằm yên xong, cô chuyên tâm niệm Phật cho đến giờ Hợi, bỗng chợt ngồi dậy chấp tay nói: “*Tây phương Tam Thánh đã đến!*”. Lại bảo: “*Còn thiếu ba ngàn câu Phật, niệm đủ tôi sẽ đi!*”. Lúc đó hàng Tăng tục hơn ba mươi người, đều lớn tiếng niệm hồng danh. Liễu Thường cũng cao tiếng niệm theo, được một lúc gương mặt lộ nét tươi cười rạng rỡ mà qua đời. Khi ấy trong nhà bay thoảng mùi hương lạ. Giờ Ngọ hôm sau, nhập liệm, đánh đầu cô vẫn nóng, tay chân mềm dịu, hơi thơm hấy còn.

Khi Thiên Thọ, đưa con trai đầu lòng yếu số, vì gặp cầu tự, Tánh Lương cưới thêm cô thiếp là Sa Thị mới mười bảy tuổi. Về nhà chồng được mấy năm cô nhờ sự huấn luyện, cũng khởi lòng tin chân chánh, quy y với Ấn Quang Pháp sư, pháp danh là Liễu Từ. Từ đó Sa Thị giữ chắc năm giới, trường trai niệm Phật. Về sau Liễu Từ đau dây dưa mãi không lành, nằm trên giường bệnh

suốt hai năm. Song lòng tin nguyện bền chắc, cô vẫn không rời câu niệm Phật. Ngày rằm tháng hai, năm Dân Quốc thứ mười chín, nhằm lễ vía đức Thế Tôn nhập Niết Bàn, cả gia đình cùng thỉnh chư Tăng tập họp tại nhà, tu Đại Bi Sám Pháp. Vừa đến ngọ lễ sám xong, đứa con gái bung chén nước, tự nói thấy trong đó chao động phóng ra ánh sáng. Tánh Lương đứng một bên vội đỡ tay bung chén giùm. Lúc đó cô lại bảo thấy tay ông cầm hoa sen, e rằng thời khắc vãng sanh đã đến. Tánh Lương nghe nói liền ra ngoài thỉnh chư Tăng vào phòng trợ niệm. Liễu Từ bỗng quỳ nơi giường cúi lạy nói: *“Đức Quán Thế Âm Bồ Tát từ cõi Cực Lạc phóng quang tới chiếu sáng khắp thân mình”*. Tánh Lương khuyên cô nên xả bỏ tất cả, chỉ một lòng chuyên cầu Đại Sĩ tiếp dẫn. Liễu Từ vâng lời chấp tay chúc nguyện: *“Con đau bệnh chịu sự thống khổ đã nhiều, cầu cho người đời sớm được giải thoát, xa lìa bệnh khổ. Xin Bồ Tát xót thương tiếp dẫn con về cõi Cực Lạc!”*. Quá ngọ hai giờ, cô nói: *“Bồ Tát đã quang lâm! Xin thỉnh chư Tăng ra ngoài, để con lau mình thay y phục”*. Nhưng khi vừa thay áo, cô lại bảo: *“Đức A Di Đà đã đến từ xa, đang duỗi tay phóng quang tiếp dẫn, có Vi Đà Kim cang theo hầu hạ, xin mau thỉnh chư Tăng vào trợ niệm!”*. Lúc đó Liễu Từ không kịp mặc áo

tràng vôi ngời kiết già chấp tay liên tiếp niệm A Di Đà Phật rồi nói: “*Tôi đi đây!*”. Đoạn liền nhắm mắt lặng lẽ vãng sanh, hai tay vẫn còn chấp nơi ngực. Khi ấy tất cả người trong nhà đều nghe dị hương bát ngát. Đến trưa hôm sau đánh đầu cô còn nóng, sắc mặt tươi tắn sáng nhuận hơn lúc sanh tiền.

Tánh Lương mục kích thê thiếp, do niệm Phật đều được điềm lành, và chứng nghiệm vãng sanh một cách hiện thật, lòng tin càng thêm bền chắc. Sau khi ấy ông tu chỉnh ngôi tiền đường thờ cúng trang nghiêm như cảnh chùa am, để bảng hiệu Niệm Phật Cư Sĩ Lâm, thường tập hợp chư liên hữu lại cùng nhau tu trì sách tấn. Mùa đông năm Tân Mùi cư sĩ vương vịnh, sắm lễ thỉnh chư Tăng chùa thiên Phước đến lưu trụ tại Cư Sĩ Lâm, mỗi ngày vào phòng xung hồng danh, để được thường nghe Phật hiệu thành tựu chánh niệm. Tới ngày mười một tháng ba năm Nhâm Thân (1932), vào lúc chánh ngọ, Tánh Lương nói: “*Tôi thấy Phật, Bồ Tát tướng tốt trang nghiêm và hoa sen rất to đẹp!*”. Chư Tăng cùng người nhà biết thời khắc Tây quy của ông đã đến, đều họp lại phòng cao tiếng niệm Phật. Cư sĩ cũng ngồi lần chuỗi khề niệm theo, tới quá ngọ hai giờ yên lặng vãng sanh.

Chiều hôm ấy cư sĩ Từ Huát Như, bạn thân

của Tánh Lương, cũng là vị Lâm Trưởng, nghe tin cáo phó vội cho mời đoàn liên hữu cùng đến phúng điếu. Khi phái đoàn tới nơi thì đã tám giờ tối. Chư liên hữu đều thấy Tánh Lương vẫn còn ngồi kiết già ngay thẳng, tay cầm chuỗi, gương mặt tươi tỉnh như sống. Thử dò xem thì đánh đầu còn nóng, tay chân mềm dịu.

NHÂM CUNG NHÂN

Nhâm Cung nhân là vợ của Châu Vận Tuyên tiên sanh ở Hải Diêm. Từ trẻ bà đã tin Phật pháp, sau khi về nhà họ Châu, sự giúp đỡ chồng nuôi dạy con đều tròn chức phận. Tánh bà đoan trang nghiêm chánh, đối đãi với người rất ân hậu. Mùa đông năm Giáp Thìn thời Quang Chử nhà Thanh, chồng mãn phần, lúc ấy Cung Nhân đã năm mươi chín tuổi. Trải nhiều phen mục kích cảnh tang thương biến đổi, nhân cảm việc chồng từ trần, bà nghĩ cuộc đời như huyễn, sanh mệnh vô thường, bỗng sanh tâm tư thoát tục. Sau khi xét định kỹ, Cung Nhân liền đem việc nhà giao cho con trai và dâu, rồi buông hết muôn duyên trường trai niệm Phật. Sự tu hành của bà rất tinh chuyên, không lúc nào dám trễ bỏ.

Mùa đông năm Đinh Tỵ thời Dân Quốc, Cung Nhân bỗng vương chứng bán thân bất toại, tay chân tê nhức, lúc đi đứng phải có người dìu đỡ. Bà cho ngăn riêng một gian nhà, phía trước thờ Phật, sau là chỗ nghỉ, ở yên tịnh tu niệm, như người nhập thất. Nhân đó tâm càng định, niệm lực càng được tinh chuyên. Mùa hạ năm Tân Dậu, hai con là Điều Sanh, Cát Sanh được nghe cư sĩ Phạm Cổ Nông giảng về Phật pháp, anh em mới phát tâm học Phật và đem những điều đã hiểu biết về khuyên giải lại cho mẹ nghe. Nhân đây, lòng tín nguyện cầu sanh của bà càng thêm chuyên thiết. Tháng Giêng năm Giáp Tý, Điều Sanh lại có duyên dự cuộc hành trình với các vị cư sĩ đi nghe giảng kinh, Cung Nhân bảo: *“Mẹ đã cao tuổi, con chớ nên đi xa lâu!”*. Đến ngày hai mươi bốn, bà lại vương chứng thương phong, rồi kể ho suyễn.

Sang ngày hai mươi tám, bệnh thêm nặng, người nhà mời các nữ liên hữu đến niệm Phật để giúp sức cầu nguyện. Nghe tiếng xung hồng danh, Cung Nhân liền được tâm an, hơi thở điều hòa, rồi chợp mắt thiếp đi một lúc. Đến lúc tỉnh dậy, bà nói: *“Vừa rồi ta mộng thấy một lão nương mặt hồng hào, tóc bạc trắng đưa cho một chiếc bánh in bảo ăn. Sau khi dùng xong, ta cảm thấy thanh sảng nhẹ nhàng, nhân mới hỏi: “Tôi có được giải thoát*

khỏi sự khổ chằng?”. Lão nương đáp: “Sẽ được giải thoát, hãy cố gắng niệm Phật!”. Ta nghe nói liền niệm Phật hơn một trăm câu rồi chợt tỉnh!”.

Sau khi đó các chứng: thương phong, khí suyễn và bán thân bất toại của bà đều được khỏi hẳn. Đêm ấy Cung Nhân ngủ một giấc yên lành. Sáng ra thức dậy, bà cảm thấy thân tâm thư thái nhẹ nhàng không còn bệnh khổ, lại thoảng nghe có mùi hương. Đến ngày hai mươi tháng hai, Cung Nhân sanh chứng uất muộn khó thở, người nhà lại rước nữ chúng tới trợ niệm. Sang ngày hai mươi hai, bà tự biết mình không qua khỏi, dặn gia quyến chớ nên than khóc, phải luân phiên cao tiếng trợ niệm để mình được nương sức niệm theo. Đến canh ba, Cung Nhân an lành mà qua đời.

Ban sơ tay chân của bà đều lạnh trước, chỉ nơi ngực còn nóng rất lâu. Mọi người vẫn đề yên, cao tiếng niệm Phật tiếp tục không dứt. Hơi nóng mới lần lần chuyển lên tới miệng, mắt, sau cùng đạt thẳng lên đỉnh đầu. Sự trợ niệm vẫn kéo dài đến nửa đêm hôm sau mới chấm dứt. Lúc tản liệt, tay chân Cung Nhân còn dịu mềm, sắc mặt tươi như sống. An táng xong, người nhà đem những tờ Tây phương công cứ của bà đã ghi số câu niệm Phật lúc bình nhật ra thiêu hóa. Khi lửa tắt, trên tro hiện ra tướng một vị Tăng đứng trên hoa sen, nét rõ

ràng in như vẽ.

Lời bình: **Ấn Quang Pháp sư bảo:** *“Tất cả Lý của thế gian và xuất thế gian đều không ngoài hai chữ TÂM TÁNH. Tất cả Sự của thế gian và xuất thế gian, đều không ngoài hai chữ NHÂN QUẢ”*. Nhân Cung Nhân bị vướng nhiều bệnh, là chịu quả của nghiệp sát kiếp trước; cảm mộng lành được khỏi khổ, bởi nhờ nhân tu niệm của kiếp này. Lúc lâm chung hơi nóng trụ nơi ngực, đáng lẽ bà phải chuyển sanh làm người tu thêm một kiếp nữa mới được giải thoát. Song nhờ công đức của gia đình và các liên hữu luân phiên chí tâm trợ niệm, nên kết cuộc bà lại được vãng sanh. Điểm này cho thấy sự trợ niệm lúc lâm chung rất là thiết yếu.

CHÂU THỊ

Nhà lan thanh vắng, giậu cúc lơ thơ, trời thu phân cảnh vật tiêu sơ, người liên nữ bèn lòng tín nguyện! Đó là gia cảnh của Châu Thị, và bà đang theo thời khóa thành tâm niệm Phật.

Châu Thị nguyên là vợ của họ Chương. Từ trẻ bà đã biết thờ kính Quán Thế Âm Đại Sĩ, tin sâu nhân quả, từ hòa hiếu thuận và ưa thích điều lành.

Đến sáu mươi tám tuổi, Châu Thị mới được

nghe biết sự lợi ích của pháp môn Tịnh Độ, liền trường trai niệm Phật ra tiếng một muôn câu, ngoài số ấy đều tùy thời tùy cảnh niệm thầm. Công phu hành trì như thế đã trải hơn mười năm. Mấy năm sau cùng vì tránh sự phiền nhiễu, Châu Thị thường tĩnh tọa nơi gian nhà riêng, sự tu trì càng thêm mật thiết. Có đôi lúc bà ngồi yên nhắm mắt hướng về Tây, luôn hai ba ngày không ăn uống, nơi cổ tay mạch không còn nhảy, duy có nét mặt sáng tươi, toàn thân nóng ấm. Sau khi ấy, người nhà hỏi về tình trạng lúc đương thời, bà đáp: *“Ta thấy mình ngồi niệm Phật trên tòa sen to đẹp, quên hẳn thời khắc, lòng rất sáng nhẹ an vui!”*. Đến năm Dân Quốc thứ hai mươi, vào khoảng tháng sáu, Châu Thị bỗng cảm bệnh. Đứa con trai, suất lãnh người nhà luân phiên trợ niệm. Vài hôm trước khi mãn phần, bà nói với gia thuộc rằng: *“Ta còn lưu trụ hai ngày nữa, các con nên an tâm nghỉ ngơi. Hãy chuẩn bị nấu nước thơm cho ta tắm gội, và y phục giày dép đều phải đổi thứ mới sạch!”*. Hai hôm sau, vào giờ Tý, bà ngồi ngay thẳng hướng về Tây, nhắm mắt không nói năng chi cả. Con trai thấy thế, lại gọi người nhà vây quanh, đồng cao tiếng niệm Phật. Độ vài mươi phút kể đó, Châu Thị ngồi yên ổn mà tắt hơi, gương mặt lộ nét tươi vui hòa nhã. Hơn hai giờ sau, đánh đầu của bà hãy còn nóng.

Có điều đáng kỳ diệu là đang lúc làm lễ nhập liệm, đứa cháu nội gái của bà, vì quá thương khóc nên ngã xuống hôn mê. Mẹ đứa bé này tức là dâu của Châu Thị, cũng đã niệm Phật vãng sanh từ mấy năm về trước. Khi được người nhà vực tỉnh dậy, bé gái nói: *“Con thấy từ phương Tây phóng tới ánh sáng to rộng rực rỡ. Đức Quán Thế Âm thân tướng nghiêm đẹp, tay cầm cành dương liễu, theo sau có vô số Bồ Tát nương giữa hư không bay đến. Trong giây phút mẹ cùng bà nội thân tướng cao lớn tươi tốt hơn lúc bình thường, theo sau chư Bồ Tát bay về phương Tây. Ngoài ra lại còn có vô số hoa lạ, tràng phan, bảo cái, hiện giữa hư không, tất cả cảnh vật đều trang nghiêm rực rỡ khác thường. Trông thấy cảnh ấy lòng con chợt an vui, quên hẳn sự xót xa thương khóc. Bây giờ con không còn lo buồn nữa, vì biết rõ mẹ và bà nội đã về cảnh Phật!”*

Lời bình: Phàm sanh về Cực Lạc, không luận: trai, gái, già, trẻ, đều hiện thành thân nam, đủ ba mươi hai tướng tốt. Đứa bé thấy mẹ cùng bà nội đều còn thân người nữ, đó là phương tiện hiện ra tướng cũ, để cho nó dễ nhận biết. Độc giả khi xem đến đoạn này, chớ hoài nghi!

Nam Mô A Di Đà Phật

LỜI NÓI ĐẦU	6
HOÀNG TẾ ĐẠI SƯ	10
ĐỨC THANH, HẮM SƠN ĐẠI SƯ	11
ĐỂ NHÀN PHÁP SƯ	15
THỌ TÂM ĐẠI SƯ	19
TƯ NGẠN ĐẠI SƯ	23
CHÍ THIỆN THIỀN SƯ	25
MẶC AM ĐẠI SƯ	29
DƯƠNG KIẾT	32
VƯƠNG CỒ	36
NGU THUẦN HY	39
VIÊN HOẰNG ĐẠO	42
VƯƠNG ĐIỀN	53
VƯƠNG NHẬT HỮU	56
VIÊN LIỆT TINH	57
VIỆT QUỐC PHU NHÂN	63
MÃ VINH TỒ	66
NGÔ DOÃN THẮNG	72
PHẠM NGUỒN LỄ	76
CHÂU PHU NHÂN	82
HẠ QUỐC XƯƠNG	84
PHƯƠNG HẢI SANH	87
DƯƠNG LIÊN HÀNG	90

BẢN PHỤ	93
TIÊU VƯƠNG.....	95
TÀO VÂN TÔN.....	98
DIỆP CỬU THÀNH	100
TRẦN TÁNH LƯƠNG	103
NHÂM CUNG NHÂN	109
CHÂU THỊ.....	112



10 CÔNG ĐỨC PHÓNG SANH

1. Không có nạn đao binh, tránh được tai họa chiến tranh tàn sát.
2. Sống lâu, mạnh khỏe, ít bệnh.
3. Tránh được thiên tai, dịch họa, không gặp các tai nạn.
4. Con cháu đông đúc, đời đời hưng thịnh nối dõi không ngừng.
5. Chỗ mong cầu được toại nguyện.
6. Công việc làm ăn phát triển hưng thịnh, gặp nhiều thuận lợi.
7. Hợp lòng trời, thuận tánh Phật, loài vật cảm ơn, chư Phật hoan hỷ.
8. Giải trừ oán hận, các điều ác tiêu diệt, không có lo buồn sầu não.
9. Vui hưởng an lành, quanh năm đều được an ổn.
10. Tái sinh về cõi trời hưởng phước vô cùng, nếu có tu Tịnh Độ thì được vãng sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc

10 CÔNG ĐỨC NIỆM PHẬT LỚN TIẾNG

1. Đánh tan cái tâm hôn trầm, mê ngủ.
2. Thiên ma kinh sợ.
3. Tiếng vang xa khắp 10 phương.
4. Ba đường ác được nhờ vào đó mà dứt khổ.
5. Tiếng động chung quanh không xâm nhập vào làm loạn tâm mình được.
6. Niệm tâm không tán loạn.
7. Mạnh mẽ tinh tấn.
8. Chư Phật vui mừng.
9. Tam muội hiện tiền.
10. Được vãng sanh Cực lạc.

THEO KINH “**Nghiệp Báo Sai Biệt**” và Kinh “**Đại Tập Nguyệt Tạng**” dạy:

MƯỜI CÔNG ĐỨC ÁN TỔNG KINH PHẬT

Một là, những tội lỗi đã tạo từ trước, nhẹ thì được tiêu trừ, nặng thì chuyển thành nhẹ.

Hai là, thường được các thiện thần ủng hộ, tránh được tất cả tai ương hoạn nạn, ôn dịch, nước, lửa, trộm cướp, đao binh ngục tù.

Ba là, vĩnh viễn tránh khỏi những quả báo phiền khổ, oán cừu oan trái của đời trước cũng như đời này.

Bốn là, các vị hộ pháp thiện thần thường gia hộ nên những loài dạ xoa ác quỷ, rắn độc hùm beo tránh xa không dám hãm hại.

Năm là, tâm được an vui, ngày không gặp việc nguy khốn, đêm ngủ không thấy ác mộng. Diện mạo hiền sáng, mạnh khỏe an lành, việc làm thuận lợi, được kết quả tốt.

Sáu là, chí thành hộ pháp, tâm không cầu lợi, tự nhiên y phục đầy đủ, gia đình hòa thuận, phước lộc đời đời.

Bảy là, lời nói việc làm trời người hoan hỷ, đến đâu cũng được mọi người kính mến ngợi khen.

Tám là, ngu chuyển thành trí, bệnh lành mạnh khỏe, khốn nghèo chuyển thành thịnh đạt. Nhàm chán nữ thân, mệnh chung liền được nam thân.

Chín là, vĩnh viễn xa lìa đường ác, sanh vào cõi thiện, tướng mạo đoan nghiêm, tâm trí siêu việt, phước lộc tròn đầy.

Mười là, hay vì tất cả chúng sanh trồng các căn lành. Lấy tâm cầu của chúng sanh làm ruộng phước điền cho mình. Nhờ công đức ấy đạt được vô lượng phước quả thù thắng. Sanh ra nơi nào cũng thường được thấy Phật, nghe Pháp phước huệ rộng lớn, chứng đạt lục thông, sớm thành Phật quả.

ẤN QUANG TỔ SƯ DẠY

Ấn tông kinh, tượng Phật được công đức thù thắng như vậy, nên gặp khi chúc thọ, thành hôn, cầu phước, thoát nạn, sám hối, cầu tiêu trừ bệnh tật, cầu siêu độ hương linh, hãy tinh tấn phát tâm Bồ đề ấn tông, để trồng cội phước đức cho chính mình và thân bằng quyến thuộc.